

LỜI NÓI ĐẦU

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước kế toán là một công việc quan trọng phục vụ cho việc hạch toán và quản lý kinh tế, nó còn có vai trò tích cực đối với việc quản lý tài sản và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm cường độ lao động và tăng năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhất là khi khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành vận tải, kế toán tài sản cố định là một khâu quan trọng trong toàn bộ khối lượng kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình tài sản cố định hiện có của công ty và tình hình tăng giảm TSCĐ.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các TSCĐ của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán TSCĐ luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp Thương Mại cũng như các nhà quản lý kinh tế của Nhà nước. Với xu thế ngày càng phát triển và hoàn thiện của nền kinh tế thị trường ở nước ta thì các quan niệm về TSCĐ và cách hạch toán chúng trước đây không còn phù hợp nữa cần phải sửa đổi, bổ sung, cải tiến và hoàn thiện kịp thời cả về mặt lý luận và thực tiễn để phục vụ yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Trong quá trình học tập ở trường và thời gian thực tập, tìm hiểu, nghiên cứu tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong. Cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô giáo và các cán bộ nhân viên phòng tài chính kế toán em đã mạnh dạn chọn đề tài "***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Vận tải Tiền Phong***" với mong muốn góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc cải tiến và hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiên Phong

Kết cấu của khoá luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm có 3 chương chính sau:

Chương I: Một số vấn đề lý luận cơ bản về TSCĐ và kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

Chương II: Tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiên Phong

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác hạch toán kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiên Phong

Với sự hiểu biết và kinh nghiệm còn hạn chế em rất mong nhận được sự góp ý của các chú, các bác trong BGD, các anh chị trong phòng kế toán của công ty và thầy cô để luận văn của em được hoàn thiện.

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TSCĐ VÀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1/ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TSCĐ)

1.1.1/ TSCĐ, vai trò, ý nghĩa của TSCĐ trong doanh nghiệp sản xuất:

1.1.1.1/ Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ:

*/ Khái niệm TSCĐ:

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp phải có các yếu tố sức lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động.

Khác với các đối tượng lao động(nguyên vật liệu,...) các tư liệu lao động (như máy móc thiết bị, nhà xưởng , phương tiện vận tải,...) là những phương tiện vật chất mà con người sử dụng để tác động vào đối tượng lao động, biến đổi nó theo mục đích của mình.

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất (TLSX), giữ vai trò chủ yếu trong quá trình sản xuất, được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật, TSCĐ có thể có hình thái vật chất cụ thể (TSCĐ hữu hình) hoặc có thể tồn tại dưới hình thái giá trị(TSCĐ vô hình) phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh có giá trị lớn và sử dụng trong thời gian dài.

Theo quy định của Bộ Tài Chính thì mọi tư liệu lao động là TSCĐ khi thoả mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn sau:

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó

+ Nguyên giá TS phải được xác định một cách đáng tin cậy

+ Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm

+ Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó là cả một hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó mà yêu cầu quản lý, sử dụng TSCĐ đòi hỏi phải quản lý riêng từng từng bộ phận tài sản đó được coi là một TSCĐ hữu hình độc lập.

***/ Đặc điểm TSCĐ :**

- Tham gia vào nhiều chu kì sản xuất sản phẩm với vai trò là các công cụ lao động. Trong quá trình đó hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ là không thay đổi. Song giá trị của nó lại được chuyển dịch dần từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hao mòn vật chất, do đó giảm dần giá trị sử dụng hoặc bị hư hỏng cho nên phải tiến hành sửa chữa TSCĐ.

1.1.1.2. Vai trò, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

***/ Vai trò của TSCĐ:**

Sản xuất là cơ sở để tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Với sức lao động của mình con người tác động vào các đối tượng thông qua các tư liệu lao động để biến các đối tượng lao động thành sản phẩm vật chất phục vụ cho nhu cầu của mình.

Bộ phận quan trọng nhất trong các TLLĐ sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp là các loại TSCĐ. Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, các cuộc đại cách mạng công nghiệp đều tập trung giải quyết các vấn đề về trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật trong quá trình sản xuất, trong đó TSCĐ là một bộ phận cấu thành nó góp phần phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm tạo chỗ đứng vững chắc cho doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường.

Ngược lại với tình trạng kỹ thuật lạc hậu, sản phẩm của doanh nghiệp sẽ không đáp ứng yêu cầu thị hiếu của khách hàng thì doanh nghiệp sẽ bị loại khỏi vòng quay của nền kinh tế thị trường.

Nói tóm lại, TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật có ý nghĩa to lớn đối với các doanh nghiệp. Nếu ban đầu, trang bị và sử dụng hợp lý TSCĐ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khẳng định mình trên thị trường. Sự cải thiện hoàn thiện đổi mới sử dụng có hiệu quả TSCĐ là nhân tố quyết định tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

***/ Yêu cầu quản lý TSCĐ:**

Xuất phát từ đặc điểm, vị trí vai trò của TSCĐ, đòi hỏi công tác quản lý cả về mặt hiện vật và giá trị

- Về mặt hiện vật: Không phải chỉ giữ nguyên hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ mà quan trọng hơn là duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của nó. Điều đó có ý nghĩa là trong quá trình sử dụng doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ không làm mất mát TSCĐ, thực hiện đúng quy chế sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng TSCĐ, không để TSCĐ hư hỏng trước thời hạn quy định.

- Về mặt giá trị: Phải quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn, việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học, hợp lý để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việc tái đầu tư TSCĐ, xác định giá trị còn lại của TSCĐ một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.

***/ Nhiệm vụ kế toán TSCĐ:**

TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật chủ yếu của DN, là điều kiện quan trọng để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Trong thời đại phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ, để duy trì, phát triển sản xuất và không bị tụt hậu, doanh nghiệp phải được đầu tư trang bị nhiều máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại và không ngừng đổi mới qui trình công nghệ.

Để cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin giúp cho việc quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật, kế toán TSCĐ phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm và hiện trạng TSCĐ của toàn Doanh nghiệp và ở từng phân xưởng, từng bộ phận sử dụng TSCĐ.

- Tính và phân bổ chính xác số trích khấu hao TSCĐ trong kì vào chi phí sản xuất kinh doanh, phản ánh chính xác, kịp thời giá trị hao mòn TSCĐ, kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ trích và sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ.

- Tính và phản ánh chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, trang bị thêm, đổi mới hoặc loại bỏ bớt các bộ phận của TSCĐ.

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời chi phí sửa chữa TSCĐ, kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sửa chữa TSCĐ.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá TSCĐ theo qui định của Nhà nước.

1.1.2. Phân loại TSCĐ :

TSCĐ có nhiều loại, có đặc điểm, tính chất và yêu cầu quản lý rất khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý và hạch toán TSCĐ, cần thiết phải phân loại TSCĐ. Phân loại TSCĐ là việc phân chia toàn bộ TSCĐ của DN theo những tiêu thức nhất định nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của DN.

1.1.2.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện:

Theo cách phân loại này TSCĐ được chia thành 2 loại: TSCĐHH và TSCĐVH

*/ TSCĐ hữu hình: Là những tư liệu lao động chủ yếu được biểu hiện bằng các hình thái vật chất cụ thể như nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các vật kiến trúc... Những TSCĐ này có thể là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định trong quá trình sản xuất kinh doanh.

*/ TSCĐ vô hình: Là những TSCĐ không có hình thái vật chất cụ thể, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của DN như chi phí thành lập DN, chi phí về đất sử dụng, chi phí mua bằng sáng chế, giá trị lợi thế thương mại...

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp thấy được cơ cấu đầu tư vào TSCĐ hữu hình và vô hình. Từ đó lựa chọn các quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho phù hợp và có hiệu quả nhất.

1.1.2.2. Phân loại theo hình thái biểu hiện kết hợp với tính chất đầu tư:

*/ TSCĐ hữu hình:

*/ TSCĐ vô hình:

*/ TSCĐ tài chính: Là những khoản đầu tư tài chính dài hạn nhằm mục đích kiếm lời như: góp vốn liên doanh dài hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn, cho thuê TSCĐ dài hạn...

*/ TSCĐ thuê tài chính: Là những tài sản mà DN đi thuê dài hạn về để sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê

được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đó thoả thuận trong hợp đồng thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định tại hợp đồng thuê tài chính ốt nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

1.1.2.3. Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành:

Theo cách phân loại này, TSCĐ trong DN được chia như sau:

*/ TSCĐ được hình thành các nguồn vốn được cấp: Thuộc loại này bao gồm các TSCĐ được Nhà nước, được cấp trên cấp hoặc có nguồn gốc từ vốn của Nhà nước, của cấp trên.

*/ TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn tự bổ sung: Thuộc loại này bao gồm các TSCĐ được hình thành từ các quỹ trong DN như quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn XDCB...

*/ TSCĐ được hình thành từ vốn đi vay: Thuộc loại này bao gồm các TSCĐ có nguồn gốc từ các Công ty, các tổ chức khác đem tới góp vốn liên doanh với doanh nghiệp...

Tác dụng của cách phân loại này giúp DN xác định được lợi ích do TSCĐ hình thành từ các nguồn khác nhau tạo ra, từ đó xác định nguồn vốn bổ sung cho TSCĐ được phù hợp.

1.1.2.4. Phân loại TSCĐ theo tính chất sở hữu:

*/ TSCĐ tự có và coi như tự có: Là những TSCĐ do doanh nghiệp xây dựng, mua sắm bằng nguồn vốn tự có hoặc vay, nợ.

*/ TSCĐ đi thuê:

- TSCĐ thuê tài chính : Là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê dài hạn trong thời gian dài theo hợp đồng thuê. Đối với những TSCĐ doanh nghiệp có quyền quản lí và sử dụng còn quyền sở hữu thuộc về doanh nghiệp cho thuê.

- TSCĐ thuê hoạt động: Là những TSCĐ mà doanh nghiệp chỉ thuê để sử dụng trong một thời gian ngắn. TSCĐ thuê hoạt động không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Đối với các TSCĐ này doanh nghiệp chỉ có quyền sử dụng mà không có quyền định đoạt. Giá trị của các TSCĐ này không được tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp đi thuê.

1.1.2.5. Phân loại TSCĐ theo công dụng:

*/ Các TS đang dùng cho sản xuất kinh doanh: Là những TSCĐ đang được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp . Những TSCĐ này được trích và tính khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

*/ Các TS hành chính sự nghiệp

*/ Các TSCĐ phúc lợi: Là những TSCĐ phục vụ cho đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp (nhà trẻ, trạm y tế, nhà văn hoá...). Những TSCĐ này được mua sắm bằng quỹ phúc lợi và phần trích khấu hao của những tài sản này không được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

*/ Các TSCĐ chờ xử lý: Là những TSCĐ đã lạc hậu hoặc hư hỏng không còn sử dụng được đang chờ thanh lý hoặc nhượng bán.

1.1.3. Nguyên tắc hạch toán TSCĐ:

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó là điều kiện quan trọng để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao chính xác, phân tích hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp. Theo Thông tư số 203/2009/TT- BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/10/2009. Thông tư 203 này thay thế cho quyết định 206, có hiệu lực từ ngày 01/01/2010. Theo thông tư này được phản ánh theo 03 chỉ tiêu:

+ Nguyên giá

+ Giá trị hao mòn

+ Giá trị còn lại

***/ Nguyên tắc hạch toán TSCĐ:**

- Trong quá trình hạch toán kế toán TSCĐ, mọi TSCĐ đều phải được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại.

- Đối với từng TSCĐ cụ thể, kế toán phản ánh đầy đủ 3 chỉ tiêu giá trị của TSCĐ là: Nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

Giá trị còn lại = Nguyên giá- Giá trị đã hao mòn của TSCĐ

- Đối với tài khoản phản ánh nguyên giá, giá trị hao mòn của TSCĐ , kế toán phải phản ánh toàn bộ TSCĐ hiện có thuộc sở hữu của đơn vị hình thành từ các nguồn khác nhau (nguồn vốn pháp định, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) và các TSCĐ thuê tài chính.

- Kế toán phải phân loại TSCĐ theo đúng phương pháp đã được qui định trong các báo cáo kế toán, thống kê và phục vụ cho công tác quản lí, tổng hợp các chỉ tiêu của Nhà nước.

1.1.3.1. Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá

Về nguyên tắc nguyên giá TSCĐ được xác định trên cơ sở chi phí thực tế mà đơn vị bỏ ra để hình thành và đưa vào sử dụng. Hay nói cách khác, nguyên giá TSCĐ là toàn bộ các chi phí liên quan đến việc mua sắm, xây dựng TSCĐ kể cả chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, chạy thử cho đến khi TSCĐ được đưa vào sử dụng. Để đảm bảo tính thống nhất trong hạch toán và quản lý TSCĐ, nhà nước quy định nội dung chi phí hình thành nguyên giá TSCĐ trong từng trường hợp cụ thể như sau:

1.1.3.1.1. Đối với TSCĐ hữu hình

***/TSCĐ hữu hình mua sắm:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu, chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử), chi phí chuyển giao và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

***/TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu:**

Đối với TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

***/TSCĐ hữu hình mua trả chậm:**

Trường hợp TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, nguyên giá TSCĐ đó được phản ánh theo giá mua ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí theo kì hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình (vốn hoá) theo qui định của chuẩn mực “Chi phí đi vay”.

***TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá thành thực tế của TSCĐ tự xây hoặc tự chế cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó. Các chi phí không hợp lý như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình.

***TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi:**

-Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem đi trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

-Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự (tài sản tương tự là tài sản có công dụng tương tự và có giá trị tương đương).

Trong cả hai trường hợp không có bất kì khoản lãi, lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCĐ nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ đem đi trao đổi.

***TSCĐ hữu hình tặng do được tài trợ, biếu tặng:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu. Trường hợp không ghi nhận theo theo giá trị hợp lý ban đầu thì doanh nghiệp ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

1.1.3.1.2. Đối với TSCĐ vô hình:

***Nguyên giá TSCĐ vô hình qua mua sắm:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trường hợp mua TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất gắn liền với mua nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì quyền sử dụng đất phải được xác định riêng biệt và ghi nhận là TSCĐ vô hình.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, nguyên giá TSCĐ vô hình đó được xác định theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Nếu TSCĐ vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng các chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị thì nguyên giá TSCĐ vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

***/Nguyên giá TSCĐ vô hình từ việc sáp nhập doanh nghiệp:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày sáp nhập doanh nghiệp, cụ thể các loại tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình gồm:

- Bên mua tài sản ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu tài sản đó đáp ứng được những quy định về TSCĐ vô hình kể cả trường hợp TSCĐ vô hình đó không được ghi trong báo cáo tài chính của bên bán tài sản.
- Nếu TSCĐ vô hình được mua thông qua việc sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại, nhưng không xác định được nguyên giá một cách đáng tin cậy thì tài sản đó không được ghi nhận là TSCĐ vô hình riêng biệt mà hạch toán vào lợi thế thương mại.

***/Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có hạn:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có hạn khi được giao đất hoặc số tiền chuyển trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất khi góp vốn liên doanh.

***/Nguyên giá TSCĐ vô hình được Nhà nước cấp hoặc được biếu, tặng.**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được Nhà nước cấp hoặc được biếu tặng được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

***/Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi.**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về hoặc bằng giá trị hợp lý của tài sản đem đi trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền tương đương hoặc thu về hoặc trả thêm.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự. Trong cả hai trường hợp không có bất kì khoản lỗ, lãi nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi thì nguyên giá TSCĐ vô hình nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem đi trao đổi...

1.1.3.2. Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn:

Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần giá trị khi tham gia vào hoạt động kinh doanh, do tác động các điều kiện tự nhiên của tiến bộ khoa học công nghệ. Giá trị hao mòn của TSCĐ được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Số khấu hao từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi chúng được tính vào giá trị của tài sản như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là các bộ phận cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình, chi phí TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác, giá trị hao mòn phản ánh nguồn vốn đầu tư coi như đã thu hồi của TSCĐ ở thời điểm nhất định.

- Khi xác định thời gian sử dụng hữu hình của TSCĐ hữu hình cần xem xét các yếu tố sau:

- + Mức độ sử dụng ước tính của doanh nghiệp đó
- + Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng tài sản như số ca làm việc hoặc việc bảo quản chúng trong quá trình sử dụng
- + Hao mòn vô hình phát sinh do việc thay đổi hay cải tiến dây chuyền công nghệ hay do sự thay đổi nhu cầu thị trường.
- + Giới hạn có tính hợp lý trong việc sử dụng tài sản như ngày hết hạn hợp đồng của TSCĐ thuê tài chính

Công thức tính khấu hao:

$$\text{Mức khấu hao} = \text{Nguyên giá TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao}$$

Thời gian sử dụng phải được xem xét lại theo định kì, thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá sử dụng hữu ích của TSCĐ thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

Phương pháp khấu hao TSCĐ phía được xem xét định kì, thường là cuối năm tài chính, nếu có sự thay đổi đáng kể trong cách thức sử dụng tài sản để đem lại lợi ích cho doanh nghiệp thì được thay đổi phương pháp khấu hao và mức khấu hao tính cho năm hiện hành và năm tiếp theo.

1.1.3.3. Đánh giá theo giá trị còn lại:

Công thức tính:

$$\text{GTCL của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Số hao mòn lũy kế TSCĐ}$$

Trường hợp TSCĐ hữu hình được đánh giá lại theo quyết định của nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phía được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ hữu hình được xử lý và kế toán theo quy định của nhà nước.

1.1.4.Hao mòn và trích khấu hao TSCĐ:

1.1.4.1.Hao mòn TSCĐ:

***/.Khái niệm hao mòn TSCĐ:**

Trong quá trình quản lý và sử dụng TSCĐ, do tác động của môi trường tự nhiên, điều kiện làm việc cũng như tiến bộ kỹ thuật...TSCĐ của doanh nghiệp bị hao mòn dần. Hao mòn của TSCĐ thường thể hiện dưới hai hình thức khác nhau là hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình, cụ thể như sau:

***/.Hao mòn hữu hình:**

Hao mòn hữu hình của TSCĐ là sự hao mòn về vật chất, về giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng. Đây là sự hao mòn có thể nhận thấy được từ sự thay đổi trạng thái lý ban đầu của các bộ phận, chi tiết trong TSCĐ dưới tác động của ma sát, nhiệt độ, độ ẩm...

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Về mặt giá trị sử dụng đó là sự giảm sút về chất lượng, tính năng kỹ thuật ban đầu trong quá trình sử dụng và cuối cùng không còn sử dụng được nữa. Muốn sử dụng lại thì phải tiến hành sửa chữa, thay thế.

Nguyên nhân và mức độ hao mòn trước hết phụ thuộc vào các nhân tố trong quá trình sử dụng TSCĐ như thời gian và cường độ sử dụng, việc chấp hành các quy định kỹ thuật trong sử dụng và bảo dưỡng TSCĐ

Việc nhận thức rõ nguyên nhân ảnh hưởng đến mức hao mòn TSCĐ hữu hình sẽ giúp cho doanh nghiệp có biện pháp cần thiết.

***/ Hao mòn vô hình:**

Hao mòn vô hình là sự hao mòn thuần túy về mặt giá trị của TSCĐ, biểu hiện sự giảm sút về giá trị trao đổi của TSCĐ do ảnh hưởng của tiến bộ khoa học kỹ thuật. Hao mòn vô hình thường được phân biệt như sau:

- Hao mòn vô hình loại 1: Đây là sự giảm giá trị trao đổi của TSCĐ khi trên thị trường xuất hiện những tài sản có cùng công dụng, chức năng... nhưng giá bán lại thấp hơn TSCĐ của doanh nghiệp.

Tỷ lệ hao mòn vô hình loại 1 được xác định theo công thức:

$$V1 = \frac{Gđ - Gh}{Gđ} \times 100\%$$

Trong đó:

V1: Tỷ lệ vô hình loại 1

Gđ: Giá trị hao mòn của TSCĐ

Gh: Giá mua hiện tại của TSCĐ

- Hao mòn vô hình loại 2: Đây là trường hợp TSCĐ của doanh nghiệp bị giảm giá trị do trên thị trường xuất hiện những tài sản mới có cùng giá bán với tài sản của doanh nghiệp nhưng lại hoàn thiện hơn về mặt kỹ thuật.

Tỷ lệ hao mòn loại 2 được xác định theo công thức:

$$V1 = \frac{Gk}{Gđ} \times 100\%$$

Trong đó:

V2: Tỷ lệ hao mòn vô hình loại 2

Gk: Giá trị của TSCĐ có không chuyển dịch được vào giá trị sản phẩm

Gđ: Giá mua ban đầu của TSCĐ

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Hao mòn vô hình loại 3: Đây là trường hợp TSCĐ của doanh nghiệp bị mất giá trị trao đổi do chấm dứt chu kỳ sống của những sản phẩm do TSCĐ này tạo ra. Nguyên nhân cơ bản của hao mòn vô hình là sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Do đó biện pháp hiệu quả nhất để khắc phục hao mòn vô hình là doanh nghiệp phải coi trọng đổi mới kỹ thuật, công nghệ sản xuất, ứng dụng kịp thời các thành tựu khoa học. Điều này có ý nghĩa rất quyết định trong việc tạo ra các lợi thế cho doanh nghiệp trong cạnh tranh trên thị trường.

1.1.4.2. Trích khấu hao TSCĐ :

Do TSCĐ thường xuyên hao mòn trong quá trình sản xuất, kinh doanh nên doanh nghiệp phải luôn chuẩn bị sẵn một nguồn vốn dự trữ làm cơ sở tái đầu tư vào TSCĐ ở những kỳ sản xuất kinh doanh kế tiếp. Một trong những cách lập nguồn vốn dự trữ đó là thu hồi lại phần giá trị hao mòn của TSCĐ trong các kỳ sản xuất, kinh doanh gọi là trích khấu hao. Trích khấu hao thực chất là việc người ta tiến hành chuyển dịch dần phần giá trị đã bị hao mòn trong kỳ của TSCĐ vào giá trị sản phẩm sản xuất ra trong kỳ. Như vậy, hao mòn của TSCĐ là một hiện tượng khách quan làm giảm giá trị, giá trị sử dụng của TSCĐ còn khấu hao là biện pháp chủ quan trong quản lý nhằm thu hồi phần giá trị đã hao mòn của TSCĐ.

- Xét về phương diện kinh tế: khấu hao cho phép doanh nghiệp phản ánh đúng giá trị thực của TSCĐ trên bảng cân đối kế toán.
- Xét về phương diện tài chính: Khấu hao là một biện pháp giúp doanh nghiệp thu được bộ phận giá trị đã bị hao mòn của TSCĐ.
- Xét về phương diện thuế: Khấu hao là một khoản được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh do đó làm giảm lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp.
- Xét về phương diện kế toán: Khấu hao là việc ghi nhận sự giảm giá của TSCĐ.

***/. Các phương pháp tính khấu hao cơ bản**

Căn cứ vào khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp khấu hao TSCĐ, doanh nghiệp lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại TSCĐ của doanh nghiệp. Theo Thông tư số 203 (TT203) /2009/TT- BTC ngày 20/10/2009. TT 203 này có hiệu lực từ ngày 01/01/2010 thay thế cho quyết định số 206/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Tài Chính. Về cơ bản TT 203 này không có thay đổi lớn so với QĐ 206. TT này bổ sung các quy định của luật thuế TNDN năm 2008 và sửa đổi cho phù hợp do luật Doanh nghiệp Nhà nước sẽ hết hiệu lực ngày 01/07/2010.

Về cơ bản nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ của TT 203 tương tự như QĐ 206. TT 203 bổ sung một số trường hợp được trích khấu hao và không được trích khấu hao (đã quy định theo các quy định về thuế TNDN - cụ thể là thông tư số 130/2008/ TT – BTC ngày 26/12/2008).

Hiện nay, mỗi doanh nghiệp được quyền lựa chọn phương pháp trích khấu hao phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp. Các phương pháp trích khấu hao mà doanh nghiệp có thể lựa chọn:

- Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần.
- Phương pháp khấu hao theo sản phẩm.

Với ba phương pháp khấu hao trên, doanh nghiệp lựa chọn phương pháp khấu hao nào thì phải thực hiện nhất quán phương pháp đó trong kỳ sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, định kỳ (thường là cuối năm tài chính) doanh nghiệp phải xem qua các thời kỳ sử dụng của TSCĐ bởi khi đưa TSCĐ vào sản xuất thì mức hao mòn của những năm đầu thường cao hơn các năm sau.

- **Phương pháp khấu hao theo đường thẳng:**

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng

Các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không được quá hai lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. TSCĐ tham gia vào hoạt động được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị, dụng cụ đo lường, thiết bị và phương tiện vận tải. Khi thực hiện khấu hao nhanh phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

Công thức:

$$\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

Đây là phương pháp khấu hao có mức khấu hao giảm dần trong suốt thời gian hữu ích của TSCĐ. Theo phương pháp này, mức khấu hao hàng năm được tính như sau:

Mức khấu hao hàng năm = $\frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ ở đầu năm}}{1 \times 100}$ x Tỷ lệ khấu hao hàng năm theo phương pháp số dư.

Tỷ lệ KH = $\frac{1 \times 100}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}$ x Hệ số điều chỉnh

Bảng hệ số điều chỉnh:

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh(lần)
Đến 4 năm($t \leq 4$ năm)	1.5
Trên 4 đến 6 năm ($4 < t \leq 6$)	2.0
Trên 6 năm ($t > 6$)	2.5

* Ưu điểm của phương pháp khấu hao này:

Phản ánh chính xác hơn mức hao mòn của TSCĐ vào giá trị sản phẩm so với phương pháp khấu hao bình quân. Phương pháp này sẽ giúp doanh nghiệp nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư để tái đầu tư TSCĐ bởi giá trị TSCĐ ở những năm đầu lớn hơn các năm sau, do vậy mức hao mòn cũng nhiều hơn.

* Nhược điểm của phương pháp khấu hao này:

Việc tính khấu hao theo phương pháp này sẽ phức tạp hơn phương pháp khấu hao đường thẳng. Số tiền trích khấu hao lũy kế đến hết năm cuối cùng của thời hạn sử dụng TSCĐ chưa đủ để bù đắp toàn bộ giá trị đầu tư ban đầu vào TSCĐ của doanh nghiệp.

Mặt khác, khấu hao theo phương pháp này có mức khấu hao không đều giữa các kỳ sản xuất, kinh doanh là một nguyên nhân gây biến động giá thành sản phẩm là nguyên nhân làm cho lợi nhuận của doanh nghiệp không ổn định.

- Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

Đây là phương pháp khấu hao dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm ước tính mà TSCĐ có thể tạo ra. Theo phương pháp này, mức khấu hao phải trích trong tháng được xác định như sau:

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mức khấu hao phải trích trong tháng = Số lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng x Mức khấu hao bình quân trên một đơn vị sản phẩm

Trong đó:

$$\text{Mức khấu hao bình quân tính cho 1ĐV SP} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

* Ưu điểm của phương pháp khấu hao này: Phương pháp này cho phép tính chính xác mức hao mòn của TSCĐ theo từng năm (hoặc tháng) căn cứ vào số sản phẩm thực tế mà TSCĐ tạo ra.

* Nhược điểm của phương pháp khấu hao này: Phương pháp khấu hao này không thích hợp khi tính những TSCĐ không tham gia trực tiếp vào sản xuất sản phẩm như: TSCĐ dùng trong bán hàng, TSCĐ dùng trong quản lý doanh nghiệp, nhất là những TSCĐ vô hình như quyền sử dụng đất.

- Tuy nhiên, đối với cả ba phương pháp khấu hao trên, nếu trường hợp trong kỳ doanh nghiệp có sửa chữa, nâng cấp TSCĐ thì khi tính khấu hao phần giá trị phải khấu hao sẽ bao gồm cả nguyên giá TSCĐ và chi phí sửa chữa nâng cấp TSCĐ.

1.2. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ:

1.2.1. Chứng từ kế toán:

Chứng từ được sử dụng để hạch toán TSCĐ gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ và một số chứng từ kế toán khác có liên quan như phiếu chi, giấy báo nợ, khế ước.

1.2.1.1. Biên bản giao nhận TSCĐ : (Mẫu số 01-TSCĐ)

- Biên bản giao nhận TSCĐ là chứng từ xác nhận TSCĐ được đưa vào sử dụng hoặc điều cho đơn vị khác.

- Biên bản giao nhận được lập thành 2 bản, mỗi bên (giao, nhận) giữ một bản và được chuyển về phòng kế toán để ghi sổ kế toán.

1.2.1.2. Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 03-TSCĐ)

- Biên bản thanh lý TSCĐ là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCĐ, là căn cứ để kế toán ghi giảm TSCĐ và các nghiệp vụ có liên quan đến hoạt động thanh lý TSCĐ: chi phí thanh lý, các khoản thu từ thanh lý.

1.2.1.3. Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu số 05-TSCĐ)

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ là chứng từ kế toán nhằm xác nhận các chỉ tiêu giá trị của TSCĐ theo quy định của Nhà nước, là chứng từ để ghi sổ kế toán khoản chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ.

1.2.2. Các sổ sách sử dụng:

- Sổ TSCĐ
- Sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng
- Thẻ TSCĐ
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Thực hiện tổng hợp thông tin theo dõi đối tượng chi tiết đối chiếu với kế toán tổng hợp để cung cấp cho các bộ phận có liên quan.

1.2.3 Nội dung kế toán chi tiết TSCĐ:

1.2.3.1 Lập thẻ TSCĐ:

- Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ đó xuất hiện trong doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại TSCĐ.

- Căn cứ để lập và hạch toán chi tiết trên thẻ:

- + Biên bản giao nhận TSCĐ
- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- + Bảng trích khấu hao TSCĐ
- + Các tài liệu kỹ thuật có liên quan

- Thẻ sau khi lập xong được lưu lại ở phòng kế toán giao cho kế toán TSCĐ quản lý và thực hiện việc ghi chép trong quá trình sử dụng. Thẻ phải được sắp xếp theo từng loại và theo từng bộ phận sử dụng.

1.2.3.2. Sổ TSCĐ:

- Sổ được mở để hạch toán chi tiết TSCĐ theo từng loại. Mỗi loại TSCĐ được theo dõi trên một cuốn sổ hoặc một số trang của sổ. Mỗi dòng của sổ ghi một đối tượng ghi TSCĐ.

- Cơ sở để ghi sổ TSCĐ:

- + Biên bản giao nhận TSCĐ
- + Biên bản thanh lý TSCĐ

+ Thẻ TSCĐ và một số chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.3. Sổ tài sản theo đơn vị sử dụng:

- Sổ được mở để ghi chép, theo dõi sự biến động TSCĐ và công cụ, dụng cụ ở các đơn vị hoặc bộ phận sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

- Cơ sở để ghi sổ là chứng từ tăng, giảm tài sản.

1.2.4. KẾ TOÁN TỔNG HỢP TSCĐ

1.2.4.1. Sổ sách, chứng từ phục vụ cho việc hạch toán:

*/. Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái TK 211

- Sổ cái TK 214

- Sổ cái TK 213, 212, ...

*/. Tài khoản sử dụng:

Sử dụng tài khoản chính : TK 211, TK 214, TK 213, TK 212

TK 211:

Theo chế độ hiện hành, việc hạch toán TSCĐHH được theo dõi trên tài khoản 211 “Tài sản cố định hữu hình”. Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá của toàn bộ TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hiện có, biến động tăng, giảm trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 211- “TSCĐ hữu hình”

Bên Nợ:

- Phản ánh nguyên giá TSCĐHH tăng do mua sắm, cấp phát, biếu tặng viện trợ...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ.

Bên Có:

- Phản ánh nguyên giá TSCĐHH giảm do điều chuyển, thanh lý, nhượng bán...
- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ.

Số dư bên Nợ:

Nguyên giá TSCĐ hiện có tại doanh nghiệp.

Tài khoản 211 có các tài khoản cấp 2 sau:

+TK 2112: Nhà cửa, vật kiến trúc.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

+TK 2113: Máy móc, thiết bị.

+TK 2114: Phương tiện vận tải, truyền dẫn.

+TK 2115: Thiết bị, dụng cụ quản lý.

+TK 2116: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.

+TK 2118: TSCĐ hữu hình khác.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như tài khoản : 214, 331, 341, 111, 112...

TK 214:

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm khấu hao, kế toán sử dụng TK 214 “Hao mòn TSCĐ”. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ giảm trong kỳ.

Bên Có: Phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ tăng trong kỳ.

Dư Có : Phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ hiện có.

TK 214 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2:

TK2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình.

TK2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính.

TK2143: Hao mòn TSCĐ vô hình.

Ngoài ra, để theo dõi tình hình hình thành, sử dụng vốn khấu hao cơ bản TSCĐ, kế toán sử dụng TK 009 “Nguồn vốn khấu hao cơ bản”:

Bên Nợ: Phản ánh các nghiệp vụ tăng nguồn vốn khấu hao cơ bản.

Bên Có: Phản ánh các nghiệp vụ giảm nguồn vốn khấu hao cơ bản.

Dư Nợ : Phản ánh số khấu hao cơ bản hiện có tại doanh nghiệp

TK 213:

Để hạch toán TSCĐ vô hình, kế toán sử dụng TK 213 – “TSCĐ vô hình”. Tài khoản này có nội dung, kết cấu như sau:

Bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

Bên Có: Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ hiện có tại doanh nghiệp.

Tài khoản 213 có các tài khoản cấp hai như sau:

TK2131: Quyền sử dụng đất.

TK2132: Quyền phát hành.

TK2133: Bản quyền, bằng sáng chế.

TK2134: Nhãn hiệu hàng hoá.

TK2135: Phần mềm máy vi tính.

TK2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền.

TK2138: TSCĐ vô hình khác.

1.2.4.2. Hạch toán tình hình tăng TSCĐ hữu hình :

TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp tăng do nhiều nguyên nhân như được cấp vốn, mua sắm, xây dựng...

a) Mua sắm TSCĐ hữu hình:

- Căn cứ vào chứng từ, hoá đơn liên quan kế toán ghi tăng nguyên giá TSCĐ:

+ Nếu doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ và TSCĐ mua sắm được dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế:

Nợ TK 211: Nguyên giá tài sản cố định.

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 111,112,341: Tổng số tiền đã trả.

Có TK 331: Số tiền chưa trả người bán, người cung cấp.

+ Trường hợp TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ không thuộc diện chịu GTGT hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp ghi:

Nợ TK 211: Tổng giá thanh toán(cả thuế).

Có TK 111,112,341: Tổng số tiền đã trả.

Có TK 331: Số tiền chưa trả người bán, người cung cấp

- Tùy theo nguồn vốn để đầu tư mua sắm TSCĐ hữu hình , kế toán kết chuyển:

+ Nếu TSCĐ được đầu tư bằng nguồn vốn XDCB, quỹ đầu tư phát triển kế toán ghi:

Nợ TK 414: Nếu dùng quỹ đầu tư phát triển.

Nợ TK 441: Đầu tư bằng xây dựng cơ bản.

Có TK 411: Nếu TSCĐ dùng cho hoạt động kinh doanh.

+ Nếu TSCĐ được mua sắm bằng quỹ phúc lợi:

Trường hợp TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nợ 4312: Ghi giảm quỹ phúc lợi

Có 411: Tăng nguồn vốn kinh doanh.

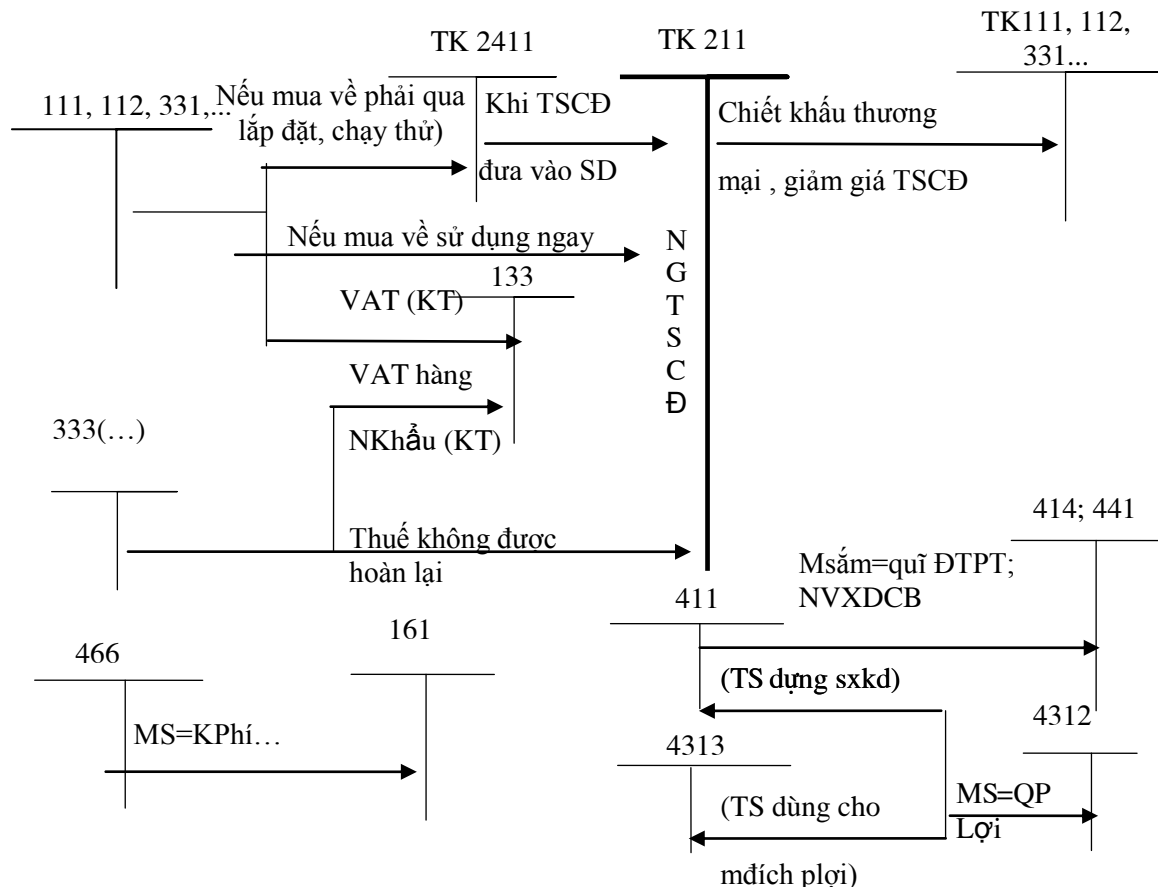
Trường hợp TSCĐ dùng cho nhu cầu phúc lợi:

Nợ TK 431.2: Ghi giảm quỹ phúc lợi.

Có TK 431.3: Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ .

Sơ đồ 01: Kế toán TSCĐ tăng do mua ngoài

THI: KẾ TOÁN TSCĐ TĂNG DO MUA NGOÀI



b) Trường hợp tăng do mua sắm theo phương thức trả góp, trả chậm đưa ngay vào sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ hữu hình

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT được khấu trừ(nếu có)

Nợ TK 242: Lãi do mua trả góp, trả chậm.

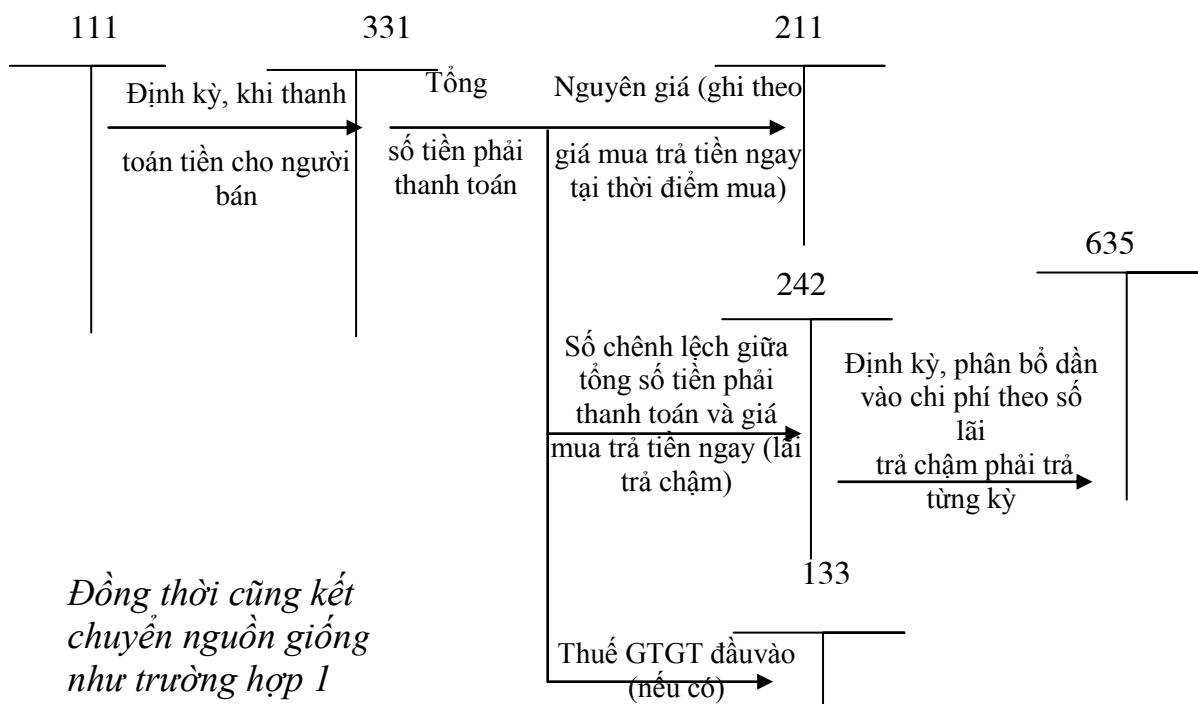
Có 331:Số tiền phải trả người bán.

+ Khi tính tiền lãi trả chậm, trả góp từng kì vào chi phí tài chính, kế toán ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính.

Có TK 242: Chi phí trả trước dài hạn.

Sơ đồ 02: Kế toán TSCĐ mua ngoài theo phương thức trả chậm, trả góp



c) Trường hợp mua TSCĐ dưới hình thức trao đổi:

* Trao đổi lấy 1 TSCĐ tương tự (tương đương về giá trị và có cùng công dụng), kế toán ghi:

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ nhận về.

Nợ TK 214(2141): Giá trị hao mòn TSCĐ mang đi trao đổi.

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ mang đi trao đổi.

* Trao đổi lấy 1 TSCĐ không tương tự, kế toán ghi:

- Ghi giảm TSCĐ mang đi trao đổi:

Nợ TK 214: Phần giá trị đã hao mòn

Nợ TK 811: Phần giá trị còn lại.

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ.

- Ghi tăng thu nhập do trao đổi:

Nợ TK 131: Tổng giá thanh toán.

Có TK 711: Giá trị thu nhập chưa có thuế.

Có TK 333(3331): Thuế GTGT đầu ra.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Ghi tăng TSCĐ nhận về do trao đổi:

Nợ TK 211: Nguyên giá (giá trao đổi chưa có thuế GTGT).

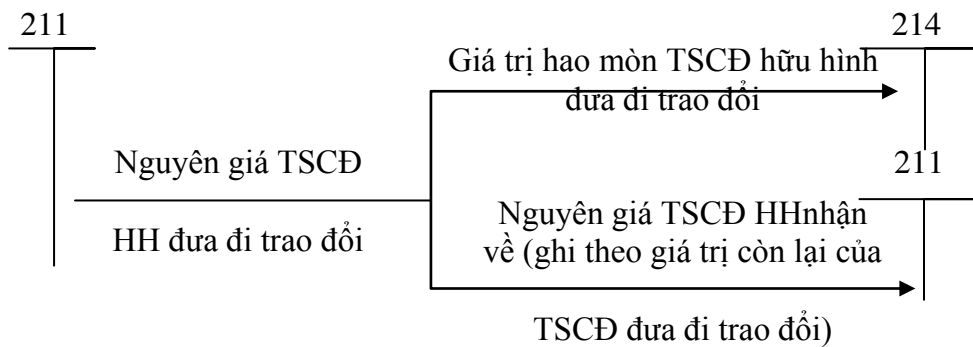
Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT của TSCĐ nhận về.

Có TK 131: Tổng giá thanh toán của TSCĐ nhận về.

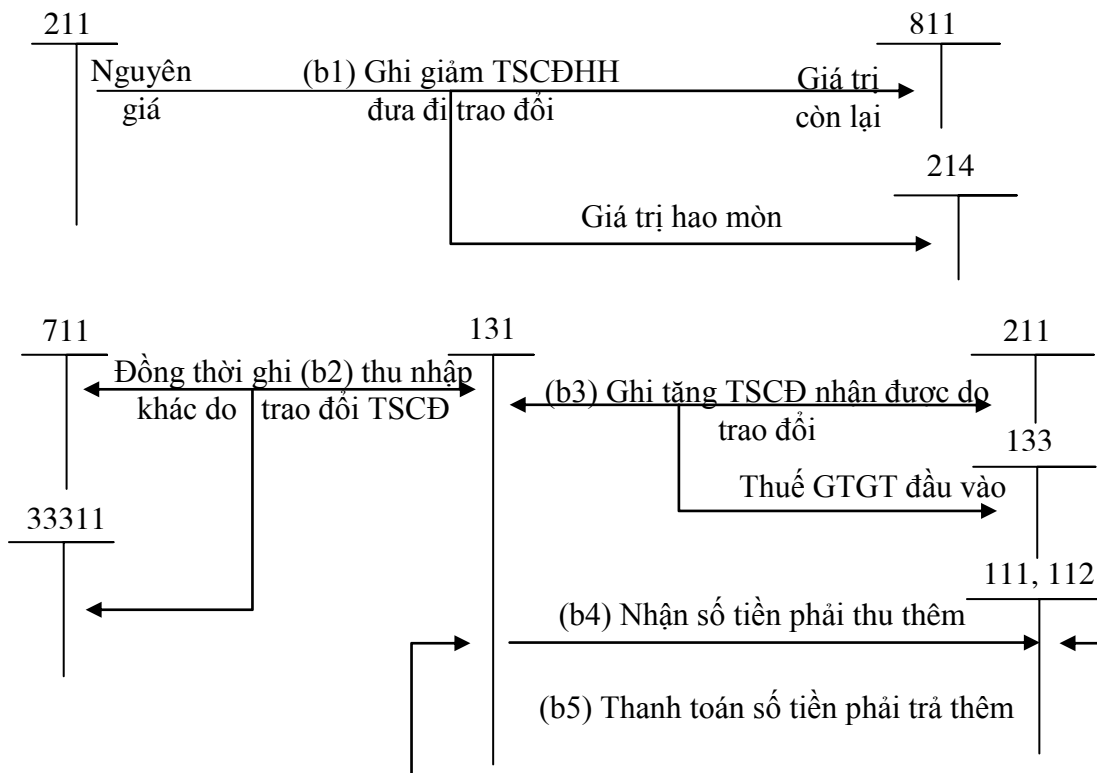
Sơ đồ 03:

TH4: KẾ TOÁN TSCĐ MUA DƯỚI HÌNH THỨC TRAO ĐỔI

a. Trường hợp mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐHH tương tự (tài sản tương tự là TSCĐ có công dụng tương tự, trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương).



b. Trường hợp mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐ không tương tự



d) Trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, kế toán ghi:

Nợ TK 211(2112): Nguyên giá TSCĐ hữu hình.

Nợ TK 213(2131): Ghi tăng quyền sử dụng đất.

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

Có TK 111,112,331,341...: Tổng giá thanh toán.

e) Trường hợp mua TSCĐ phải qua thời gian lắp đặt dài, kế toán phải:

- Tập hợp chi phí mua sắm, lắp đặt:

Nợ TK 241(2411): Tập hợp chi phí thực tế.

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 111,112,331,341...

- Khi lắp đặt hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng:

+ Ghi tăng nguyên giá TSCĐ:

Nợ TK 211

Có TK 241(2411)

+ Kết chuyển nguồn vốn:

Nợ TK 414,441,431(4312).

Có TK 411.

f) Trường hợp tăng TSCĐ do tự chế:

- Phản ánh giá vốn sản phẩm chuyển thành TSCĐ:

Nợ TK 632: Giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành.

Có TK 154: Sản phẩm từ bộ phận sản xuất chuyển thành TSCĐ.

Có TK 155: Xuất kho thành phẩm để chuyển thành TSCĐ.

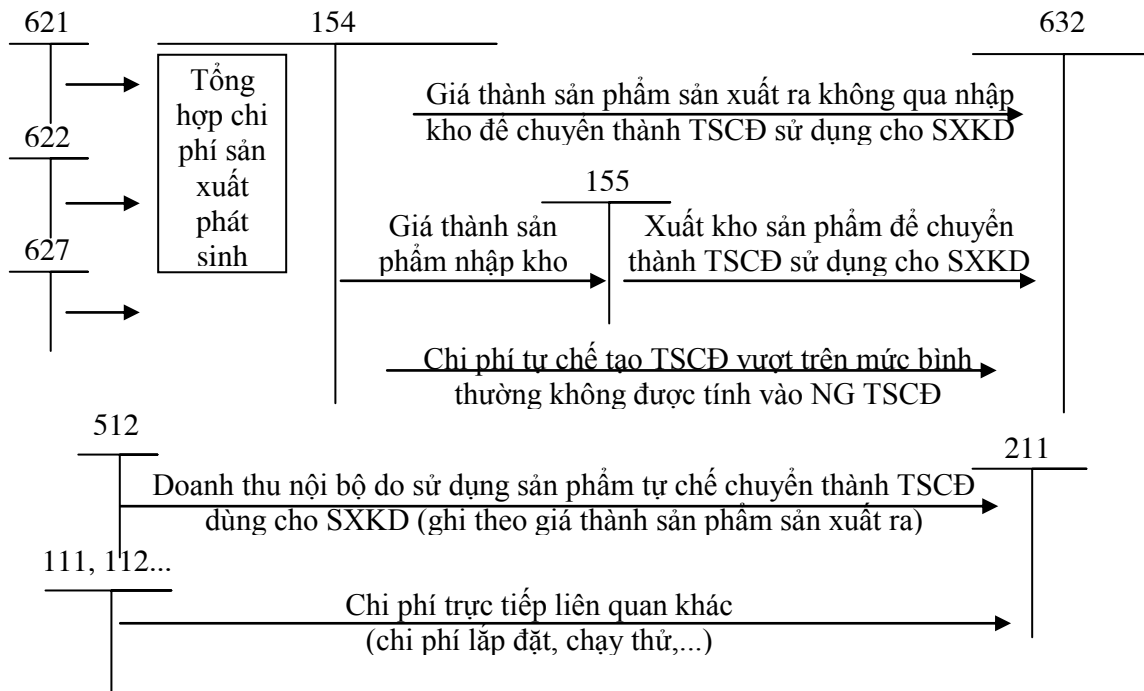
- Ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình:

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ.

Có TK 512: Doanh thu (giá thành thực tế).

Sơ đồ 04 Kế toán TSCĐ tự chế

TH3: KẾ TOÁN TSCĐ HỮU HÌNH TỰ CHẾ



Đồng thời kết chuyển nguồn vốn như trường hợp 1

g) Trường hợp tăng do các đơn vị tham gia liên doanh góp:

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản hợp tác kinh doanh và các chứng từ liên quan, kế toán ghi:

Nợ TK 211: Nguyên giá.

Có TK 411: Giá trị vốn góp.

h) Trường hợp nhận lại vốn góp liên doanh với đơn vị khác:

- Phản ánh nguyên giá TSCĐ nhận về:

Nợ TK 211: Nguyên giá.

Có TK 128: Ghi giảm vốn góp liên doanh ngắn hạn.

Có TK 222: Ghi giảm vốn góp liên doanh dài hạn.

- Chênh lệch giữa giá trị vốn góp với giá trị còn lại:

Nợ TK 111, 112, 152, 1388...

Có TK 128, 222.

i) Trường hợp tăng do xây dựng cơ bản bàn giao:

Nợ TK 211

Có TK 241(2412)

- Kết chuyển nguồn vốn: Tương tự trường hợp mua sắm TSCĐ.

k) Trường hợp do chuyển từ công cụ, dụng cụ thành TSCĐ:

- Nếu công cụ, dụng cụ còn mới chưa sử dụng:

Nợ TK 211: Nguyên giá.

Có TK 153(1531).

- Nếu công cụ, dụng cụ đã sử dụng:

Nợ TK 211: Nguyên giá.

Có TK 214(2141): Giá trị đã phân bổ.

Có TK 242: Giá trị còn lại chưa trừ vào chi phí.

l) Trường hợp tăng do đánh giá lại tài sản:

- Phần chênh lệch tăng nguyên giá:

Nợ TK 211

Có TK 412.

- Phần chênh lệch hao mòn (nếu có):

Nợ TK 412

Có TK 214.

m) Trường hợp phát hiện thừa trong kiểm kê:

- Trường hợp TSCĐ thừa do chưa ghi sổ kế toán, kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ theo từng trường hợp cụ thể:

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh, hoặc

Có TK 3381,341...

- Nếu TSCĐ thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ hữu hình, phải căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao mòn làm cơ sở tính, trích bổ sung khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh:

Nợ TK 627,641,642: Chi phí sản xuất kinh doanh

Có TK 214(2141): Hao mòn TSCĐ.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Nếu TSCĐ thừa được xác định là của đơn vị khác thì báo cho đơn vị chủ tài sản biết. Nếu không xác định được chủ tài sản thì báo cho cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý. Trong thời gian chờ xử lý kế toán theo dõi trên tài khoản 338(3381):

Nợ TK 211: Nguyên giá.

Có TK 214: Giá trị hao mòn.

Có TK 338(3381): Giá trị còn lại.

1.2.4.3: Hạch toán giảm TSCĐ hữu hình:

a) Nhượng bán TSCĐ hữu hình:

TSCĐ nhượng bán thường là những TSCĐ không cần dùng hoặc xét thấy sử dụng không có hiệu quả. Khi nhượng bán TSCĐ, doanh nghiệp phải lập Hội đồng xác định giá, thông báo công khai và phải làm đầy đủ các thủ tục (quyết định, biên bản, hợp đồng...).

- Khi nhượng bán, kế toán ghi giảm TSCĐ:

Nợ TK 214: Phần giá trị đã hao mòn.

Nợ TK 811: Phần giá trị còn lại.

Có TK 211: Nguyên giá.

- Căn cứ vào chứng từ nhượng bán hoặc chứng từ thu tiền nhượng bán TSCĐ, số tiền đã thu hoặc phải thu của người mua ghi:

+ Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, số thu về nhượng bán ghi:

Nợ TK 111,112,131: Giá bán (cả thuế).

Có TK 711: Thu nhập khác (giá chưa thuế).

Có TK 333(3331): Thuế GTGT phải nộp.

+ Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, số thu về nhượng bán ghi:

Nợ TK 111,112,131: Tổng giá thanh toán.

Có TK 711: Tổng giá thanh toán.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Các chi phí liên quan đến nhượng bán khác (sửa chữa, tân trang, môi giới...) phát sinh:

Nợ TK 811: Tập hợp chi phí nhượng bán.

Nợ TK 133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

Có TK 331,111,112...

b) Thanh lý TSCĐ :

TSCĐ thanh lý là những tài sản hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được, những TSCĐ lạc hậu về mặt kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và không thể nhượng bán được. Khi có TSCĐ thanh lý, đơn vị phải ra quyết định thanh lý, lập Hội đồng thanh lý, đánh giá thực trạng kỹ thuật của tài sản, xác định giá trị thu hồi của tài sản và lập phương án thanh lý theo chế độ hiện hành.

- Căn cứ vào biên bản thanh lý và các chứng từ có liên quan kế toán phản ánh tình hình về thanh lý TSCĐ như sau:

+ Ghi giảm TSCĐ đã thanh lý, ghi:

Nợ TK 214: Phần giá trị hao mòn.

Nợ TK 811: Phần giá trị còn lại.

Có TK 211: Nguyên giá.

+ Phản ánh số thu về thanh lý:

Nợ TK 111,112: Nếu thu bằng tiền.

Nợ TK 152,153: Nếu thu hồi phế liệu nhập kho.

Nợ TK 131,138: Phải thu của khách hàng.

Có TK 711: Số thu về thanh lý.

Có TK 333(33311): Thuế GTGT phải nộp.

+ Tập hợp chi phí thanh lý (nếu có):

Nợ TK 811: Chi phí khác.

Nợ TK 133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 111,112: Chi phí bằng tiền.

Có TK 152,153: Chi phí vật liệu và công cụ, dụng cụ.

c) Góp vốn tham gia liên doanh bằng TSCĐ hữu hình:

Đầu tư góp vốn liên doanh được coi là một hoạt động đầu tư tài chính của doanh nghiệp nhằm mục đích kiếm lời. Những TSCĐ gửi đi tham gia liên doanh do không còn thuộc quyền sử dụng và quản lý của doanh nghiệp nữa nên được coi như khấu hao hết giá trị một lần. Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp với giá trị còn lại của tài sản cố định góp vốn sẽ được theo dõi trên tài khoản 412 “Chênh lệch đánh giá lại tài sản”.

Nợ TK 222: Giá trị vốn góp liên doanh dài hạn được ghi nhận.

Nợ TK 128: Giá trị vốn góp liên doanh ngắn hạn được ghi nhận.

Nợ TK 214(2141): Giá trị hao mòn lũy kế.

Nợ(Có) TK 412: Phần chênh lệch.

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ.

d) TSCĐ thiếu phát hiện khi kiểm kê:

Doanh nghiệp phải lập biên bản xác định nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm và xử lý theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước hoặc của doanh nghiệp.

- Trường hợp chờ quyết định xử lý:

Nợ TK 214: Phần giá trị hao mòn.

Nợ TK 138: Phần giá trị còn lại.

Có TK 211: Nguyên giá.

+ Khi có quyết định xử lý sẽ ghi Có TK 138(1381- Tài sản thiếu chờ xử lý) và ghi Nợ các TK liên quan (1388,411,811...)

- Trường hợp có quyết định xử lý ngay, căn cứ “Biên bản xử lý TSCĐ thiếu” đã được duyệt y và hồ sơ TSCĐ bị thiếu, kế toán phải xác định chính xác nguyên giá, giá trị hao mòn của TSCĐ đó làm căn cứ để ghi giảm TSCĐ và xử lý vật chất phần giá trị còn lại của TSCĐ. Tùy thuộc vào quyết định xử lý ghi:

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn.

Nợ TK 138(1388): Nếu người có lỗi phải bồi thường

Nợ TK 411: Nếu ghi giảm nguồn vốn.

Nợ TK 811: Nếu doanh nghiệp chịu tổn thất

Có TK 211: Nguyên giá.

e) Trả lại TSCĐ cho các bên tham gia liên doanh:

- Căn cứ vào biên bản bàn giao, kế toán ghi:

Nợ TK 411: Giá trị còn lại.

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn.

Nợ (Có)TK412: Phần chênh lệch (nếu có).

Có TK 211: Nguyên giá.

- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp với giá trị còn lại, thanh toán cho đơn vị góp vốn, ghi:

Nợ TK 411: Giá trị còn lại.

Có TK 111,112,338: Phần chênh lệch.

f) Giảm TSCĐ hữu hình do chuyển thành công cụ, dụng cụ nhỏ:

Trong trường hợp này, kế toán cần căn cứ vào giá trị còn lại của TSCĐ để ghi bút toán thích hợp.

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn.

Nợ TK 627,641,642: Giá trị còn lại (Nếu giá trị còn lại nhỏ).

Nợ TK 242: Giá trị còn lại (Nếu giá trị còn lại lớn phải phân bổ dần).

Có TK 211: Nguyên giá.

1.2.4.4.Kế toán TSCĐ vô hình

1.2.4.4.1.Hạch toán tăng TSCĐ vô hình

a) TSCĐ vô hình tăng do mua ngoài:

- Phản ánh nguyên giá TSCĐ tăng thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 213: Nguyên giá (giá mua chưa có thuế).

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 111,112,311,341...: Tổng giá thanh toán.

- Kết chuyển nguồn vốn tương ứng (nếu sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu):

Nợ TK liên quan (414,431,441)

Có TK 411.

b) Trường hợp mua TSCĐ vô hình theo phương thức trả chậm, trả góp

dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán ghi:

Nợ TK 213: Giá mua trả ngay chưa có thuế

Nợ TK 242: Lãi trả chậm, trả góp.

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331: Phải trả người bán,

Định kỳ tính lãi trả chậm, trả góp vào chi phí tài chính, kế toán ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính.

Có TK 242: Chi phí trả trước dài hạn.

c) Trường hợp TSCĐ vô hình được hình thành từ nội bộ doanh nghiệp trong giai đoạn triển khai :

- Khi phát sinh chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 642: Tập hợp chi phí phát sinh thực tế (nếu nhỏ).

Nợ TK 242: Tập hợp chi phí phát sinh thực tế (nếu lớn).

Nợ TK 133(1331): Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK liên quan (111,112,331,333...)

- Khi xét thấy kết quả triển khai đã thoả mãn định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình:

+ Kế toán phải tập hợp chi phí phát sinh ở giai đoạn này để hình thành nguyên giá TSCĐ :

Nợ TK 241(2412): Tập hợp chi phí thực tế phát sinh.

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 111,112,331...

+ Khi kết thúc giai đoạn triển khai, kế toán phải xác định tổng chi phí thực tế phát sinh hình thành nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 213: Nguyên giá TSCĐ vô hình.

Có TK 241(2412): Kết chuyển chi phí.

d) Tăng TSCĐ vô hình do nhận vốn góp, vốn cổ phần (nhận bằng các bằng phát minh, sáng chế, nhãn hiệu hàng hoá, quyền sử dụng đất...)

Nợ TK 213.

Có TK 411.

d) Các trường hợp tăng khác:

Nợ TK 213: Nguyên giá TSCĐ tăng.

Có TK 222: Nhận lại vốn góp liên doanh.

Có TK 411: Nhận cấp phát.

Có TK 711: Nhận viện trợ, biếu tặng.

1.2.4.4.2.Hạch toán giảm TSCĐ vô hình

a) Giảm TSCĐ vô hình do nhượng bán, thanh lý:

- Khi đem TSCĐ vô hình đi nhượng bán, kế toán ghi :

Nợ TK 214: Phần giá trị đã hao mòn.

Nợ TK 811: Phần giá trị còn lại.

Có TK 213: Nguyên giá.

- Các chi phí liên quan đến nhượng bán, thanh lý phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 811: Tập hợp chi phí nhượng bán.

Nợ TK 133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

Có TK 331,111,112...

- Căn cứ vào chứng từ nhượng bán hoặc chứng từ thu tiền nhượng bán TSCĐ, số tiền đã thu hoặc phải thu của người mua ghi:

+ Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, số thu về nhượng bán ghi:

Nợ TK 111,112,131: Giá bán (cả thuế).

Có TK 711: Thu nhập khác (giá chưa thuế).

Có TK 333(3331): Thuế GTGT phải nộp.

+ Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, số thu về nhượng bán ghi:

Nợ TK 111,112,131: Tổng giá thanh toán.

Có TK 711: Tổng giá thanh toán.

b) TSCĐ vô hình giảm do doanh nghiệp đem góp vốn liên doanh:

Khi doanh nghiệp đưa TSCĐ vô hình đi góp vốn liên doanh với doanh nghiệp khác thì TSCĐ vô hình đó không còn thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

Căn cứ vào giá trị được các bên liên doanh chấp nhận, kế toán ghi:

Nợ TK 222: Góp vốn liên doanh dài hạn.

Có TK 213: TSCĐ vô hình.

c) TSCĐ vô hình giảm do được đánh giá giảm.

Định kì thường là cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại giá trị TSCĐ vô hình. Nếu TSCĐ vô hình được đánh giá giảm, kế toán ghi:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản.

Nợ TK 214: Hao mòn TSCĐ.

Có TK 213: TSCĐ vô hình.

1.2.4.5. Kế toán TSCĐ thuê tài chính

- TK sử dụng: TK 212 – TSCĐ thuê tài chính

Ngoài ra còn sử dụng một số TK liên quan: TK 133, TK 342, TK 135

Khi hạch toán TSCĐ thuê tài chính, kế toán sử dụng TK 212 “TSCĐ thuê tài chính”. Tài khoản này có nội dung, kết cấu như sau:

Bên Nợ: Phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính tăng trong kỳ.

Bên Có: Phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm trong kỳ

Dư Nợ :Nguyên giá TSCĐ đang thuê dài hạn.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng tài khoản 342: “Nợ dài hạn”, TK 2142: “Hao mòn TSCĐ thuê tài chính”.

1.2.4.5.1. Phương pháp hạch toán

*/ Kế toán khi doanh nghiệp đi thuê TSCĐ.

- Khi nhận TSCĐ thuê tài chính dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán ghi:

Nợ TK 212: TSCĐ thuê tài chính.

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 342: Nợ dài hạn (Tổng tiền thuê phải trả).

+ Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc tài sản không thuộc diện chịu thuế GTGT kế toán ghi:

Nợ TK 212: TSCĐ thuê tài chính.

Có TK 342: Nợ dài hạn(Tổng số tiền thuê phải trả).

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Định kỳ, xác định số tiền thuê phải trả trong kỳ cho bên cho thuê:

Nợ TK 342: Nợ dài hạn.

Nợ TK 635: Số tiền lãi thuê phải trả trong kỳ.

Có TK 111,112... Tổng số tiền phải trả trong kỳ.

Cuối kỳ, doanh nghiệp đi thuê tài chính tiến hành trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính như đối với những tài sản cùng loại của doanh nghiệp tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Nợ TK 627,641,642.

Có TK 214(2142): Hao mòn TSCĐ.

*/ Khi kết thúc hợp đồng TSCĐ thuê tài chính.

- Nếu doanh nghiệp trả lại TSCĐ cho bên cho thuê:

Nợ TK 214(2142): Hao mòn TSCĐ.

Nợ TK liên quan 627,641,642: Chuyển giá trị còn lại chưa khấu hao hết vào chi phí (nếu GTCL nhỏ).

Nợ TK 242: Chuyển giá trị còn lại vào chi phí trả trước dài hạn (nếu GTCL lớn).

Có TK 212: Nguyên giá TSCĐ đi thuê.

- Nếu bên đi thuê được quyền sở hữu hoàn toàn, kế toán ghi:

Nợ TK 211,213.

Có TK 212: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính.

Đồng thời kết giá trị hao mòn lũy kế :

Nợ TK 214(2142).

Có TK 214(2141,2143): Giá trị hao mòn lũy kế.

- Nếu bên đi thuê được mua lại TSCĐ thuê tài chính:

Nợ TK 211,213.

Có TK 212: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính.

Kết giá trị hao mòn lũy kế :

Nợ TK 214(2142).

Có TK 214(2141,2143): Giá trị hao mòn lũy kế.

Đồng thời phản ánh số tiền phải trả về mua lại hay chuyển quyền sở hữu:

Nợ TK 211,213.

Có TK 111,112,342...Số tiền doanh nghiệp phải trả thêm.

1.2.4.6. Kế toán hao mòn TSCĐ

1.2.4.6.1. Hạch toán tăng khấu hao TSCĐ

a) Trường hợp TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Định kỳ, căn cứ bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh đồng thời phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ:

Nợ TK 627(6274): Chi phí sản xuất chung.

Nợ TK 641(6414): Chi phí bán hàng.

Nợ TK 642(6424): Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Có TK 214(2141,2142,2143): Hao mòn TSCĐ.

Đồng thời kế toán ghi:

Nợ TK 009: Nguồn vốn khấu hao.

- Trường hợp khấu hao tăng do thay đổi phương pháp trích khấu hao và thời gian khấu hao, kế toán ghi bổ sung mức khấu hao tăng thêm vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ:

Nợ TK 627,641,642.

Có TK 214(2141,2142,2143): Hao mòn TSCĐ.

-Trường hợp khấu hao tăng thêm do đánh giá lại TSCĐ tăng, kế toán phản ánh đồng thời cả nguyên giá TSCĐ tăng thêm và mức trích khấu hao tăng thêm như sau:

Nợ TK 2111,212,213.

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản.

Có TK 214: Hao mòn TSCĐ.

b) Trường hợp TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án phúc lợi:

Trường hợp TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, phúc lợi thì chỉ tính hao mòn vào thời điểm cuối năm, kế toán ghi:

Nợ TK 466: Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

Nợ TK 4313: Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ.

Có TK 214: Hao mòn TSCĐ.

1.2.4.6.2.Hạch toán giảm khấu hao

Trường hợp khấu hao giảm do thay đổi phương pháp trích khấu hao và thời gian khấu hao, kế toán ghi bổ sung mức khấu hao giảm vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ:

Nợ TK 214: Hao mòn TSCĐ.

Có TK 627,641,642.

Đồng thời, kế toán ghi:

Có TK 009: Nguồn vốn khấu hao.

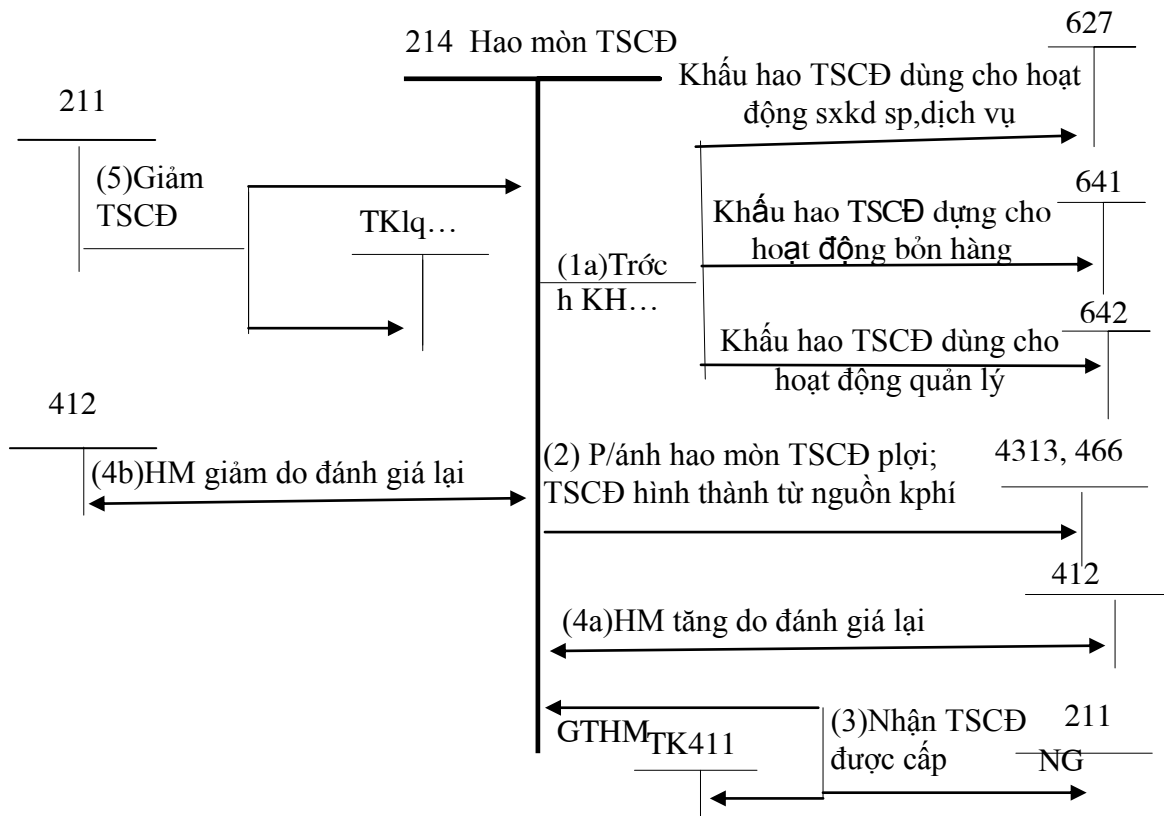
- Trường hợp khấu hao giảm do đánh giá lại TSCĐ giảm, kế toán phản ánh đồng thời cả nguyên giá TSCĐ giảm và mức trích khấu hao giảm như sau:

Nợ TK 214: Hao mòn TSCĐ.

Nợ TK 412: Chênh lệch giá lại tài sản.

Có TK 211,212,213.

Sơ đồ: Hạch toán tăng . giảm khấu hao



1.2.4.7. Hạch toán sửa chữa TSCĐ.

TSCĐ được sử dụng lâu dài và được cấu thành từ nhiều bộ phận, chi tiết khác nhau. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh các bộ phận, các chi tiết cấu thành TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng không đều nhau. Vì vậy, để khôi phục khả năng hoạt động bình thường của TSCĐ, đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, cần thiết phải tiến hành sửa chữa, thay thế những bộ phận, chi tiết của TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng có ảnh hưởng đến hoạt động của TSCĐ.

Sửa chữa TSCĐ là việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ. Việc tiến hành sửa chữa TSCĐ đơn vị có thể theo hình thức giao thầu hoặc theo hình thức tự làm.

- Sửa chữa nhỏ, mang tính bảo dưỡng: Đây là công việc mang tính duy tu, bảo dưỡng không thường xuyên, quy mô sửa chữa nhỏ, thời gian sửa chữa ngắn. Chi phí phát sinh nhỏ nên toàn bộ chi phí được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

- Sửa chữa lớn TSCĐ gồm hai loại:

+ Sửa chữa lớn mang tính phục hồi: Đây là trường hợp sửa chữa thường xuyên, có thể trong kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch, quy mô sửa chữa lớn, chi phí phát sinh được tập hợp riêng theo từng công trình, sau khi công trình hoàn thành được coi như một khoản chi phí theo dự toán và sẽ đưa vào chi phí phải trả hay chi phí trả trước.

+ Nâng cấp TSCĐ: Đây là trường hợp sửa chữa nhằm kéo dài tuổi thọ của TSCĐ, nâng cao năng suất, tác dụng của TSCĐ. Chi phí phát sinh được tập hợp riêng theo từng công trình, sau khi hoàn thành nếu đủ tiêu chuẩn của TSCĐ thì được ghi tăng nguyên giá của TSCĐ.

1.2.4.7.1. Sửa chữa nhỏ TSCĐ

Do khối lượng công việc sửa chữa không nhiều, qui mô sửa chữa nhỏ, chi phí ít nên khi phát sinh được tập trực tiếp vào chi phí kinh doanh của bộ phận sử dụng TSCĐ được sửa chữa.

- Đối với TSCĐ sửa chữa dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán ghi:

Nợ TK 627,641,642.

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 111,112,152,153,331,334...

- Đối với TSCĐ sửa chữa dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, kế toán ghi:

Nợ TK 627,641,642.

Có TK 111,112,152,153,331,334...

1.2.4.7.2.Sửa chữa lớn TSCĐ

Công việc sửa chữa lớn cũng có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

a) Theo phương thức tự làm, các chi phí phát sinh được tập hợp vào bên Nợ TK 241(2413) chi tiết theo từng công việc sửa chữa lớn, kế toán ghi:

- - Đối với TSCĐ sửa chữa lớn dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 241(2413): XD/CB dở dang.

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

Có TK 111,112,152...: Tổng giá thanh toán.

- Đối với TSCĐ sửa chữa lớn dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Nợ TK 241(2413): XD/CB dở dang.

Có TK 111,112,152...: Tổng giá thanh toán.

b) Theo phương thức giao thầu, kế toán phản ánh số tiền phải trả theo thoả thuận được ghi trong hợp đồng của công trình sửa chữa lớn:

Nợ TK 241(2413): XD/CB dở dang.

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

Có TK 331: Tổng giá thanh toán.

c) Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, kế toán phải tính toán giá thành thực tế của từng công trình sửa chữa để quyết toán số chi phí này theo từng trường hợp:

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Nếu thoả mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình theo qui định của chuẩn mực kế toán, ghi :

Nợ TK 211: TSCĐ hữu hình.

Có TK 241: XDCB dở dang.

- Nếu không thoả mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình theo qui định của chuẩn mực kế toán, ghi:

Nợ TK 627,641,642 (Nếu giá trị nhỏ).

Nợ TK 242: Chi phí trả trước dài hạn (Nếu giá trị lớn phải phân bổ dần).

Có TK 241: XDCB dở dang.

1.2.4.8 Kế toán đánh giá lại TSCĐ.

Đánh giá lại TSCĐ nhằm đảm bảo cho giá trị của TSCĐ phù hợp với mặt bằng giá có sự thay đổi lớn do tởnh hỡnh lạm phỏt gũy ra. Ngoài ra, iệc đánh giá lại cũn đợc thực hiện khi đem TSCĐ làm vốn gỏp liờn doanh.

Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng chứng từ kế toán là “ Biên bản đánh giá lại TSCĐ”. Biên bản này xác nhận việc đánh giá lại do hội đồng đánh giá lập. Các thành viên hội đồng phải ký và ghi rừ họ tờn vào biờn bản.

Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng TK 412 – Chờnh lờch đánh giá lại tài sản.

Kết cấu của TK này như sau:

- Bên nợ: Chờnh lờch giảm do đánh giá lại

Kết chuyển khoản chờnh lờch tăng khi có quyết định xử lý

- Bên có: Chờnh lờch tăng do đánh giá lại

Kết chuyển khoản chờnh lờch giảm khi có quyết định xử

- Dư có: Khoản chờnh lờch tăng chưa đợc xử lý

- Dư có: Khoản chờnh lờch giảm chưa đợc xử lý.

* Nội dung và phương pháp phản ánh:

(1) Khi đánh giá lại làm tăng nguyên giá TSCĐ khi khoản chờnh lờch tăng thêm sẽ ghi:

Nợ TK 211, 213

Có TK 412

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

(2) Khi đánh giá lại làm giảm nguyên giá TSCĐ thì khoản chênh lệch giảm xuống sẽ ghi:

Nợ TK 412

Có TK 211, 213

(3) Nếu khi đánh giá lại có điều chỉnh cả giá trị hao mòn thì tùy trường hợp tăng, giảm mà phản ánh phù hợp.

- Nếu làm tăng giá trị hao mòn thì chênh lệch tăng sẽ ghi:

Nợ TK 412

Có TK 214

- Nếu làm giảm giá trị hao mòn thì chênh lệch giảm xuống sẽ ghi:

Nợ TK 214

Có TK 412

(4) Sau đó căn cứ vào quyết định xử lý chênh lệch kết chuyển vào các TK có liên quan.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIÊN PHONG

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH VT TIÊN PHONG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

***/ Giới thiệu chung về Công ty**

a. Tên gọi:

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt: Công ty Trách nhiệm hữu hạn vận tải Tiên Phong.

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh: Tien phong transport company limited (Tien Phong Transport Co, LTD)

b. Trụ sở và địa bàn hoạt động của công ty:

Công ty TNHH Vận Tải Tiên Phong có trụ sở chính đặt tại:

Địa chỉ: Số 78 Đường bao Trần Hưng Đạo – Phường Đông Hải 1 – Quận Hải An – Thành Phố Hải Phòng.

Tel: (84-31). 3555635

Fax: (84-31). 3555634

Tài khoản của công ty: 25717839 tại ngân hàng thương mại cổ phần á châu

Mã số thuế: 0200728300

- Giấy phép thành lập: Số 1912QĐ/ UB do Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 28/1/2007
- Giấy đăng ký kinh doanh, số 0202004541 do sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 25 tháng 01 năm 2005
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/2/2008
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000

***/. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH VT Tiên Phong:**

Công ty TNHH Vận Tải Tiên Phong được thành lập theo quyết định số 1912QĐ/UB

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Công ty được Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0202004541 ngày 25 tháng 01 năm 2007 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2007 với vốn điều lệ 1.000.000.000

Sau hơn 4 năm hoạt động trong lĩnh vực vận tải nội địa, Công ty là một trong số ít các công ty là đối tác chính của các công ty liên doanh hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, là bạn hàng chiến lược của công ty là tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực về nông sản, phân bón,...

Những năm 90 của thế kỷ XX, đất nước đang trong quá trình lột xác, từ kinh tế bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường. Nắm bắt được tình hình đó xí nghiệp vận tải đã mạnh dạn chuyển sang mô hình trách nhiệm hữu hạn đổi thành Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong. Nhờ có chính sách của Đảng và Nhà nước chuyển các doanh nghiệp nhà nước thành công ty TNHH mà công ty không ngừng phát triển đi lên. Tên tuổi của công ty ngày càng được khẳng định trong ngành vận tải

***/. Mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Căn cứ theo quyết định thành lập của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng và giấy phép kinh doanh số 0202004541 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 25 tháng 1 năm 2007.

• Mục tiêu:

Công ty được thành lập để huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh vận tải, các dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

• Nhiệm vụ:

Kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng, sửa chữa tàu biển, đại lý môi giới, cung ứng dịch vụ hàng hải, hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước về hàng hải phù hợp với pháp luật, chính sách của nhà nước.

Nhận và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Tổ chức quản lý công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào khai thác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân trong công ty.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

• Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách thuỷ bộ
- Dịch vụ xuất nhập khẩu, xếp dỡ, giao nhận hàng hoá
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, ăn uống, giải khát, dịch vụ du lịch
- Kinh doanh lương thực, thực phẩm, văn phòng phẩm, hoá mỹ phẩm, điện tử, điện lạnh, thiết bị văn phòng, may mặc,...

Biểu 1: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Doanh thu	Đồng	727.188.560	3.305.479.353	5.502.131.331
2	Giá vốn hàng bán	Đồng	466.008.433	2.867.586.300	5.256.952.750
3	Chi phí quản lý kinh doanh	Đồng	276.656.444	458.446.899	239.553.685
4	Chi phí tài chính	Đồng		148.284.125	
5	Lợi nhuận	Đồng	(15.476.317)	(102.171.340)	7.517.095
6	Lãi khác	Đồng			
7	Lỗ khác	Đồng			
8	Tổng lợi nhuận kế toán	Đồng	(15.476.317)	(102.171.304)	7.517.095
9	Các khoản điều chỉnh	Đồng			
10	Tổng lợi nhuận chịu thuế	Đồng			
11	Thuế TNDN phải nộp	Đồng			1.315.492
12	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(15.476.317)	(102.171.304)	6.201.603

(Nguồn: Phòng tài chính)

Qua bảng trên ta thấy : Qua bảng trên ta thấy doanh thu tăng lên khá nhiều từ 727.199.560 năm 2007 tăng lên 3.305.479.353 năm 2008 nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn âm. Nhưng sang năm 2009 đã có sự khác biệt, doanh thu tăng nhanh lên 5.502.131.331 và lợi nhuận sau thuế là 7.517.095, công ty đã có lãi. Cho dù số lãi không được nhiều nhưng đây cũng đánh dấu cho những bước phát triển của công ty. Để có được một năm hoạt động thành công không những có sự cố gắng của ban giám đốc mà còn sự nỗ lực của các nhân viên toàn công ty cùng

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

với đường lối đúng đắn của lãnh đạo công ty. Mặc dù vậy công ty gặp không ít những khó khăn:

- Vì là một công ty vận tải nên nguyên liệu là một yếu tố chính quyết định đến quá trình sản xuất. Trong năm vừa qua giá nguyên liệu lên xuống thất thường điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến năng xuất cũng như doanh thu của công ty
- Thứ hai, là một công ty mới thành lập nên còn nhiều bỡ ngỡ trong việc tìm đối tác làm ăn

Hi vọng sang năm 2010 với sự nỗ lực của toàn công ty cùng với những chính sách phù hợp công ty sẽ có một năm với lợi nhuận sau thuế lớn.

2.1.2. Bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH VT Tiền Phong

Công ty có bộ máy tổ chức quản lý với trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao từ các cấp lãnh đạo đến các nhân viên.

❖ Cơ cấu tổ chức:

Ở bất kỳ một doanh nghiệp nào việc tổ chức bộ máy quản lý như là 1 nhu cầu tất yếu, nó đảm bảo tính chặt chẽ, nắm bắt nhanh chóng, kịp thời các thông tin về tình hình sản xuất, chất lượng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

❖ Bộ máy tổ chức của công ty bao gồm:

- Giám đốc
- Phó giám đốc sản xuất
- Phó giám đốc kinh doanh

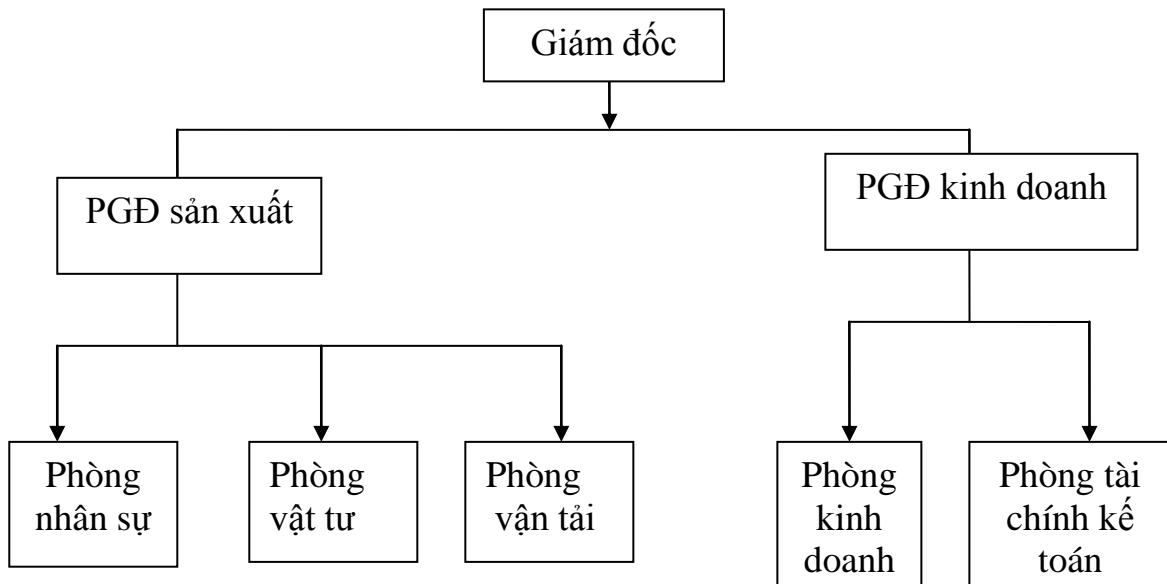
❖ Các phòng ban trong công ty:

- Phòng tổ chức hành chính
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng kế hoạch sản xuất
- Phòng vật tư
- Phòng vận tải

Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong áp dụng hình thức tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng và được thể hiện theo sơ đồ:

Sơ đồ 01:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong



(Nguồn phòng nhân sự)

2.1.2.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận :

❖ **Giám đốc:**

Giám đốc là đại diện pháp nhân của công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

❖ **Phó Giám đốc:**

Là người giúp việc cho giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc. Hiện công ty có 2 phó giám đốc: PGĐ phụ trách sản xuất, PGĐ phụ trách kinh doanh.

❖ **Phòng kinh doanh:**

Là phòng tham mưu cho giám đốc về xây dựng các chiến lược kinh doanh, quản lý, tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước. Kiểm tra xem xét mọi hợp đồng, văn bản, giấy tờ có tính pháp lý trình giám đốc ký, tổ chức thực hiện và thanh lý hợp đồng đã ký. Ký các giấy tờ có tính chất giải quyết sự vụ, chủ động giải quyết mọi công việc hàng ngày thuộc nhiệm vụ của phòng ban và báo cáo giám đốc kết quả công việc.

❖ **Phòng Kế toán:**

Là phòng tham mưu cho giám đốc về quản lý hoạt động tài chính, hoạch toán kinh tế, hoạch toán kế toán trong toàn công ty. Quản lý, kiểm soát các thủ tục thanh toán, hạch toán, đề xuất giúp công ty thực hiện các chỉ tiêu tài chính. Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính vật tư, tiền vốn, bảo đảm chủ động trong kinh doanh và tự chủ trong tài chính. Lập báo cáo nghiệp vụ và các báo cáo kế toán định kỳ theo quy định, phục vụ tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra, kiểm tra về tài chính. Chịu trách nhiệm trước giám đốc về sự chính xác, trung thực của số liệu báo cáo.

❖ **Phòng nhân sự:**

Chịu trách nhiệm trước giám đốc về những việc được giao của đơn vị, tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ của phòng được giao. Xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương, đong giá tiền lương hàng năm. Quản lý nhân sự, hồ sơ, điều động nhân lực lao động. Tổ chức tuyển dụng lao động, đào tạo nhân lực cho công ty. Phụ trách về công việc, về an toàn lao động, chính sách người lao động,...

❖ **Phòng vật tư:**

Quản lý kiểm soát việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy tình, quy phạm về kỹ thuật, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, mua sắm, quản lý, cấp phát vật tư, nhiên liệu cho đội xe của công ty, phục vụ khai thác kinh doanh đội xe đạt hiệu quả cao. Chủ động phối hợp với các phòng ban, đơn vị, chi nhánh, phương tiện vận tải đáp ứng yêu cầu hoạt động của công ty.

❖ **Phòng vận tải:**

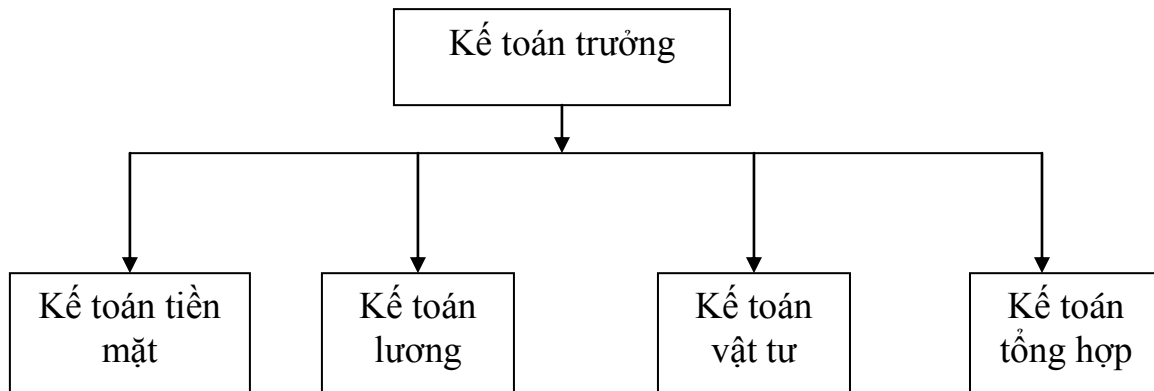
Phòng vận tải có chức năng tham mưu, giúp giám đốc công ty thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực sau: Quản lý khai thác đội xe, xây dựng và triển khai các phương án đầu tư và phát triển đội xe, thực hiện công tác pháp chế an toàn đường bộ. Phòng vận tải có trách nhiệm chủ động phối hợp với các phòng ban, đơn vị đáp ứng yêu cầu công tác của công ty

2.1.3/. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH VT Tiền Phong

2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán.

Sơ đồ: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



Theo sơ đồ trên các bộ phận kế toán đều chịu sự điều hành trực tiếp từ một người lãnh đạo là kế toán trưởng, mỗi kế toán viên đều có chức năng nhiệm vụ riêng.

➤ **Kế toán trưởng:**

Trong công ty kế toán trưởng kiêm trưởng phòng tài chính thuộc quyền giám đốc công ty, giúp giám đốc tổ chức bộ máy kế toán và quản lý hoạt động tài chính của công ty theo đúng pháp luật và quy định hiện hành.

➤ **Kế toán tiền lương:**

Tổ chức phân loại lao động theo các tiêu thức khác nhau nhằm theo dõi cơ cấu lao động hiện có trong công ty, tham mưu bố trí và phân công lao động một cách hợp lý, tổ chức hạch toán chính xác thời gian, số lượng và kết quả lao động thông qua tổ chức hệ thống chứng từ sổ sách kế toán để theo dõi chi phí lao động, hình thức trả lương phù hợp với đặc điểm của công ty và phù hợp với chế độ quy định.

➤ **Kế toán vật tư:**

Kế toán vật tư phải cung cấp thông tin về số lượng chủng loại, chất lượng các loại vật liệu, công cụ nhập, xuất, tồn theo từng danh điểm. Phải cung cấp thông tin về giá trị nhập, xuất, tồn theo giá trị thực tế để có kế hoạch quản lý vốn của công ty. Phải cung cấp thông tin về tình trạng quản lý vật liệu, công cụ

trong quá trình sử dụng và dự trữ trên cơ sở định mức tiêu hao, định mức tồn kho nhằm phát hiện tình trạng thừa thiếu vật liệu, công cụ từ đó đề ra biện pháp khắc phục kịp thời.

➤ **Kế toán tiền mặt:**

Hàng ngày phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách, phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong việc quản lý và sử dụng tiền. Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán tiền mặt và tiền đang chuyển.

2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

Công ty thực hiện chế độ kế toán theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, các văn bản bổ sung sửa đổi khác của nhà nước và các hướng dẫn khác của bộ tài chính.

Công ty đã thực hiện theo đúng chế độ và có những vận dụng sáng tạo chế độ để phù hợp với đặc điểm riêng của đơn vị mình. Cụ thể là:

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác nhau ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Được tính theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

***/. Về chế độ chứng từ:**

Căn cứ áp dụng theo : Luật kế toán, nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của chính phủ, các văn bản pháp luật có liên quan đến chứng từ kế toán và các quy định trong quyết định số 15/2006 QĐ - BTC

***/. Về chế độ kế toán:**

Công ty đã vận dụng hệ thống tài khoản theo QĐ số 15 /2006/QĐ-BTC đồng thời mở thêm các tài khoản chi tiết cho từng loại tài khoản để phù hợp với công tác quản lý và hạch toán của công ty.

***/. Về chế độ sổ sách:**

Để phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, hiện nay công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán là hình thức “nhật ký chung”

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ sách sau:

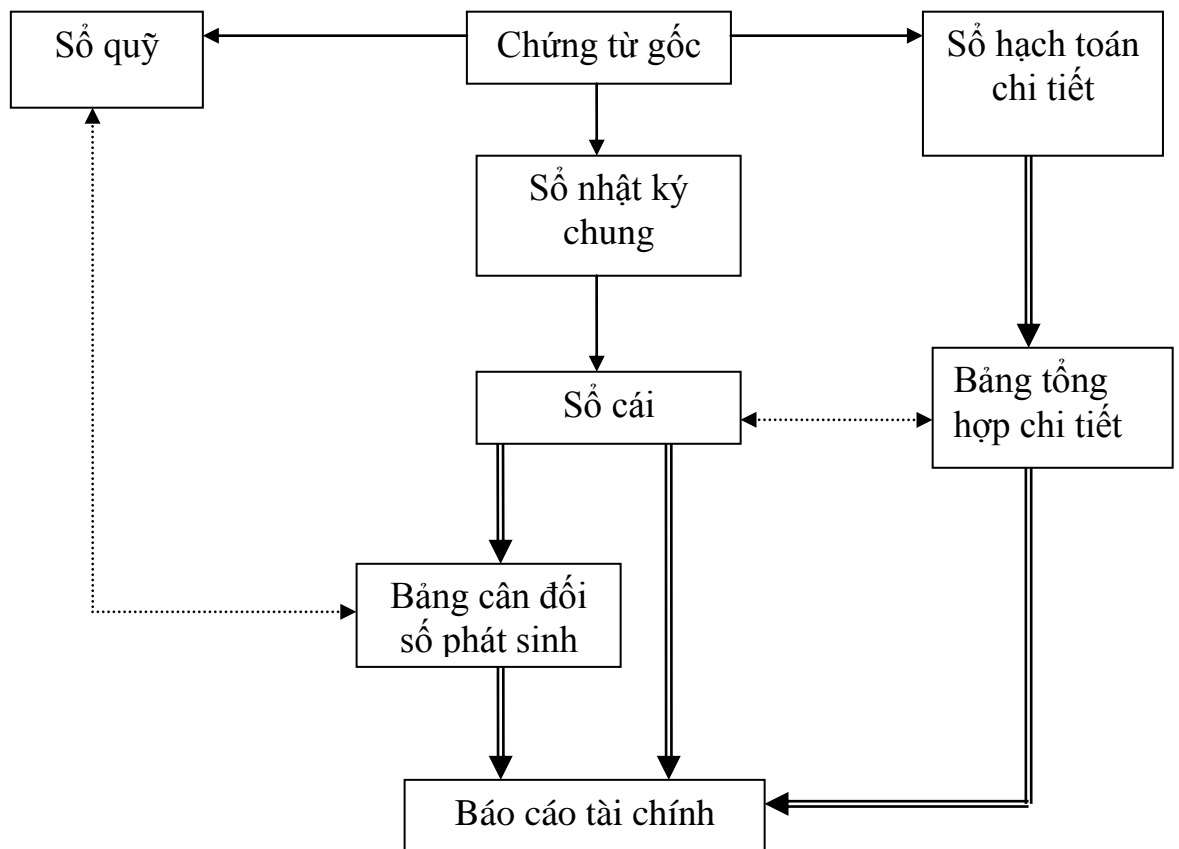
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Sổ chi tiết
- Bảng tổng hợp chi tiết

(1)– Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết với những đối tượng cần theo dõi chi tiết.

(2)– Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan

(3) - Cuối tháng tiến hành đối chiếu sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết kế toán tiến hành ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Khi tất cả số liệu trên bảng cân đối khớp đúng số liệu, kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ: Quy trình ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

2.2.THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TSCĐ Ở CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG

2.2.1.Đặc điểm TSCĐ, yêu cầu,nhiệm vụ, quản lý, sử dụng TSCĐ

2.2.1.1.Đặc điểm TSCĐ

Là một doanh nghiệp vận tải nên TSCĐ chủ yếu của Công ty là TSCĐ hữu hình

*Nhà cửa, vật kiến trúc: Bao gồm hệ thống văn phòng, nhà để xe, nhà kho, nhà điều hành. Có thể nói nhà cửa , vật kiến trúc của công ty được xây dựng mới và hiện đại. Các phòng điều hành đều được trang bị máy photo, máy in, máy fax,...

* Máy móc thiết bị: Ngoài các thiết bị văn phòng còn có máy phát điện,...

* Phương tiện vận tải: Vì là một công ty Vận Tải thì phương tiện vận tải quan trọng nhất là các xe ô tô đầu kéo cùng rơmoóc. Có 06 xe đầu kéo cùng rơmoóc(05 xe 40' và 01 xe 20'), 01 xe ô tô 17 chỗ ngồi và 01 xe ô tô 07 chỗ ngồi mua mới .

2.2.1.2.Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quản lý, sử dụng và hạch toán TSCĐ:

Để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ an toàn TSCĐ và đảm bảo chất lượng thông tin kế toán, nâng cao vai trò kiểm tra giám sát trong quá trình hình thành, sử dụng TSCĐ thì công tác quản lý và hạch toán TSCĐ cần phải thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức hạch toán, ghi chép, phản ánh tình hình TSCĐ hiện có của toàn đơn vị và sự biến động của các loại TSCĐ thuộc công ty quản lý theo nguyên giá và giá trị còn lại. Phân loại các TSCĐ hiện có trong công ty phải theo đúng quy định của nhà nước.
- Tổ chức hạch toán TSCĐ phải đảm bảo thực hiện được việc tính trích và hạch toán chính xác kịp thời số khấu hao và đối tượng chịu chi phí và giá trị hao mòn TSCĐ, giám sát việc sử dụng vốn khấu hao trong quá trình tái đầu tư và đầu tư mở rộng nhằm không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, hoàn thiện các nguồn vốn vay và đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh
- Đối với TSCĐ đưa ra sửa chữa lớn, các đơn vị phải thực hiện đúng quy định của nhà nước về công tác quản lý chi tiêu sửa chữa lớn: đảm bảo hạch toán kịp thời chính xác giá thành và quyết toán các công trình sửa chữa lớn được hoàn thành.
- Lập hồ sơ, tổ chức thanh lý TSCĐ và hạch toán kịp thời kết quả về thanh xử lý TSCĐ theo quy định của nhà nước.

2.2.1.3. Phân loại

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong phải có đầy đủ các yếu tố đầu vào về mặt hiện vật, các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất bao gồm: vật tư, yếu tố về lao động, TSCĐ.

TSCĐ của Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong bao gồm nhiều chủng loại thiết bị nên việc quản lý TSCĐ phải được phân loại một cách cụ thể. Công ty tiến hành phân loại theo một cách – Phân loại theo hình thái:

TSCĐ tại công ty chỉ bao gồm TSCĐ hữu hình và được phân thành các loại cụ thể như trong chế độ kế toán ban hành. Bao gồm:

+ Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc là những tài sản của đơn vị được hình thành sau quá trình đầu tư xây dựng:

- Trụ sở làm việc
- Nhà kho

+ Loại 2: Phương tiện vận tải, truyền dẫn là các loại phương tiện vận tải bao gồm phương tiện vận tải đường bộ :

- Xe ô tô đầu kéo : 16K – 7210, 16H – 7145, 16H – 3567, 16M – 3116, 16M – 3621, 16M- 7393
- Sori romoóc: 16R - 2864

+ Loại 3: Thiết bị, dụng cụ quản lý: Là những dụng cụ, thiết bị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh như máy tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử :

- Máy vi tính : 04 chiếc
- Ô tô con : 02 chiếc
- Máy tính xách tay: 01 chiếc
- Tivi Plasma: 02 chiếc
- Máy phát điện : 01 chiếc

2.2.1.4.Đánh giá

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó là điều kiện quan trọng để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao chính xác, phân tích hiệu quả tình hình sử dụng vốn trong công ty. TSCĐ của Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại

- Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá:

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Nguyên giá TSCĐ là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được TSCĐ và đưa tài sản đó vào sử dụng.

Đánh giá TSCĐ của Công ty được xác định theo công thức:

$$\text{Nguyên giá TSCĐ} = \text{Giá mua thực tế} + \text{Các khoản thuế không hoàn lại} + \text{Chi phí liên quan}$$

Ví dụ: Ngày 21/7/2009 công ty tiến hành mua 01 xe ô tô đầu kéo + sori romoóc 16M – 7393. Giá mua: 300.000.000 đồng

Ngày 24/7/2009 công ty tiến hành đăng ký cho xe ô tô và sori romoóc: 7.780.000 đ

Ngày 25/7 công ty tiến hành cho xe chạy thử, xăng cho xe chạy thử: 8.500.000 đ

Nguyên giá xe ô tô đầu kéo + sori romoóc =

$$300.000.000 + 7.780.000 + 8.500.000 = 316.280.000 \text{ đ}$$

- Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại:

Việc đánh giá này có ý nghĩa rất quan trọng giúp cho công ty thấy được hiện trạng kỹ thuật, năng lực hiện có của TSCĐ để từ đó có biện pháp, cách thức quyết định đầu tư, cải tạo nâng cấp TSCĐ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại áp dụng theo đúng quy định của nhà nước và được xác định:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ}$$

Ví dụ: Ngày 31/12/2009 giá trị còn lại của xe ô tô đầu kéo + sori romoóc 16M – 7393 là:

- Nguyên giá : 316.280.000 đ

- Khấu hao 01 tháng = $316.280.000 / 7 \text{ năm} / 12 \text{ tháng} = 3.765.238 \text{ đ}$

- Giá trị hao mòn lũy kế: = $3.765.238 * 6 = 22.591.428 \text{ đ}$

- Giá trị còn lại = $316.280.000 - 22.591.428 = 293.688.572 \text{ đ}$

2.2.2. Các chứng từ và sổ sách sử dụng:

2.2.2.1. Các chứng từ sử dụng :

**/ Khi mua mới TSCĐ:*

Là công ty TNHH nên TSCĐ của Công ty tăng chủ yếu là do mua sắm

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Trình tự luân chuyển chứng từ TSCĐ tăng do mua sắm :

- Căn cứ vào kế hoạch mua sắm TSCĐ, quyết định sử dụng nguồn vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công ty tổ chức ký hợp đồng mua sắm TSCĐ. Quá trình mua sắm phải thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.
- TSCĐ được mua sắm về bộ phận cung ứng phải có đầy đủ các hồ sơ liên quan đến quá trình mua sắm TSCĐ.
- Khi đưa TSCĐ ra sử dụng, công ty phải có văn bản bàn giao TSCĐ cho bộ phận sử dụng. Căn cứ vào quyết định, đơn vị tiến hành giao TSCĐ, lập biên bản giao nhận TSCĐ
- Căn cứ vào các hồ sơ trên, kế toán lập các chứng từ hạch toán tăng TSCĐ đồng thời vào thẻ TSCĐ, tính hao mòn và trích khấu hao theo quy định

Thủ tục tăng TSCĐ:

Khi mua mới TSCĐ căn cứ các hồ sơ sau kế toán lập chứng từ hạch toán tăng TSCĐ, thẻ TSCĐ, tính hao mòn và trích khấu hao theo quy định:

- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt
- Ủy nhiệm chi
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Biên bản thanh lý hợp đồng

**/ Thanh lý, nhượng bán TSCĐ:*

Trình tự luân chuyển chứng từ giảm TSCĐ do nhượng bán, thanh lý:

- Việc thực hiện thanh lý nhượng bán TSCĐ phải được thực hiện theo quy định của nhà nước.
- Khi có TSCĐ giảm do thanh lý, nhượng bán thì công ty họp hội đồng thanh lý TSCĐ, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt những TSCĐ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, biên bản thanh lý, xử lý TSCĐ, quyết định nhượng bán, thanh lý TSCĐ

Căn cứ vào hồ sơ thanh lý nhượng bán TSCĐ, kế toán tiến hành hạch toán giảm TSCĐ và các nghiệp vụ có liên quan.

Thủ tục, chứng từ giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán:

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

TSCĐ đưa ra thanh lý, nhượng bán những TSCĐ không cần dùng hoặc không còn sử dụng được, hiện đơn vị đang theo dõi quản lý, khi đưa ra thanh xử lý, đơn vị phải lập đầy đủ hồ sơ và thực hiện theo quy định của nhà nước về công tác thanh xử lý tài sản:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản bàn giao
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu

2.2.2.2. Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 211
- Thẻ kho TSCĐ
-

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng:

Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong sử dụng TK 211, TK 214 để hạch toán TSCĐ theo đúng quy định của nhà nước

TK 211: - TSCĐ hữu hình: TK này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm toàn bộ TSCĐ hữu hình của Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong theo nguyên giá

Tài khoản 211- TSCĐ hữu hình được mở chi tiết thành 6 TK cấp II bao gồm:

- 2112: Nhà cửa, vật kiến trúc
- 2113: Máy móc, thiết bị
- 2114: Phương tiện vận tải truyền dẫn
- 2115: Thiết bị, dụng cụ quản lý
- 2118: TSCĐ hữu hình khác

TK 214:- Hao mòn TSCĐ hữu hình, TK này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn của toàn bộ TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ hữu hình.

2.2.3. Kế toán chi tiết TSCĐ:

Bộ phận có nhu cầu sử dụng lập tờ trình xin ý kiến giám đốc về việc mua sắm tài sản. Nếu được chấp nhận, các giấy tờ được chuyển xuống Phòng Vận tải.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Bộ phận mua sắm gồm đại diện phòng Vận tải, đại diện bộ phận sử dụng, và cán bộ kỹ thuật tiến hành kiểm tra, khảo sát kỹ thuật và gửi giấy báo giá đối với loại tài sản cần mua. Nếu công ty chấp nhận mua, Hợp đồng mua bán sẽ được lập giữa 2 đơn vị. Bên bán giao hàng, lập biên bản bàn giao. Đại diện bên mua, Bộ phận sử dụng, cán bộ kỹ thuật kí vào biên bản bàn giao. Hợp đồng được thanh lý. Điều khoản thanh toán được ghi trong hợp đồng. Tùy thỏa thuận mà các bên thanh toán ngay hoặc phải chờ một thời gian. Toàn bộ hồ sơ được lưu tại phòng Vận tải. Một bộ hồ sơ và các chứng từ liên quan lưu tại phòng Tài chính.

Ví dụ:

Ngày 22/7/2009 Công ty tiến hành mua 01 xe ô tô đầu kéo + sori romoóc với giá : 300.000.000 đồng, chưa thanh toán. Sau khi mua công ty tiến hành đăng kiểm cho xe + đầu kéo: 7.780.000 và xuất dầu cho xe chạy thử: 8.500.000.

Nguyên giá của xe ô tô đầu kéo + sori romoóc:

$$= 300.000.000 + 7.780.000 + 8.500.000$$

$$= 316.280.000đ$$

- Thẻ TSCĐ lập ngày 28/7/2009 cho xe ô tô và sori romoóc:

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mẫu số: S12-DN

ĐC: 78 ĐB Trần Hưng Đạo

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-

BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng

bộ tài chính

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

SỐ 106

Ngày 28 tháng 07 năm 2009 lập thẻ

Căn cứ vào biên bản bàn giao xe ngày 21 tháng 07 năm 2009

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe ô tô đầu kéo + moóc 7393

Nước sản xuất, (xây dựng) : Mỹ Năm sản xuất : 2002

Bộ phận quản lý, sử dụng: Phòng Vận Tải - Đội lái xe

Năm đưa vào sử dụng : **2009**

Công suất, diện tích thiết kế

Điều chỉnh sử dụng TSCĐ ngày tháng năm lý do đình chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	28/7/2009		316.280.000	2009	22.591.428	
				...		

DỤNG CỤ PHỤ TÙNG KÈM THEO

Số TT	Tên, qui cách phụ tùng, dụng cụ	ĐVT	SL	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: ngày tháng năm

Lí do giảm

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4. Kế toán tổng hợp TSCĐ:

2.2.4.1. Kế toán tăng TSCĐ:

Khi mua mới TSCĐ căn cứ các hồ sơ sau kế toán lập chứng từ hạch toán tăng TSCĐ, tính hao mòn và trích khấu hao theo quy định:

- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt
- Ủy nhiệm chi
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Biên bản thanh lý hợp đồng

Ví dụ:

Ngày 22/7/2009 Công ty tiến hành mua 01 xe ô tô đầu kéo + sori romoóc với giá : 300.000.000 đồng, chưa thanh toán. Sau khi mua công ty tiến hành đăng kiểm cho xe + đầu kéo: 7.780.000 và xuất dầu cho xe chạy thử: 8.500.000.

Nguyên giá của xe ô tô đầu kéo + sori romoóc:

$$= 300.000.000 + 7.780.000 + 8.500.000$$

$$= 316.280.000đ$$

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 1-7 / 2009 ngày 21 tháng 07 năm 2009, giấy xác nhận, hoá đơn giá trị gia tăng ngày 22/7/2009. Công ty mua và chạy thử cho hoạt động sản xuất kinh doanh giá 300.000.000 đ , chưa thanh toán.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: HD017/2009

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế do Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 9 năm 1989 và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

- Căn cứ Nghị định 17 của Hội đồng HĐBT ban hành ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết về việc thi hành pháp lệnh HĐKT.

- Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu của mỗi bên.

Hôm nay ngày 21 tháng 07 năm 2009 tại Hải Phòng, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN BÁN): DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VT & TM QUỐC KHÁNH

- Địa chỉ : Dân Chủ – Hưng Hà - Thái Bình

- Điện thoại : 0987.566.566

- Mã số thuế : 1000359746

- Số tài khoản :

- Đại diện : Ông *Trần Văn Khánh* - Chức vụ : Giám đốc

BÊN B (BÊN MUA): CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG

- Địa chỉ : Số 78 Đường Bao Trần Hưng Đạo – Hải An - HP

- Điện thoại : 0313.555635 - Fax: 0313.555634

- Mã số thuế : 0200728300

- Đại diện : Ông *Nghiêm Ngọc Trường* - Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá với những điều khoản sau:

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Điều 1: Hàng hoá:

Bên A đồng ý bán cho bên B những hàng hoá sau:

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô đầu kéo FREIGHTLINER Số máy: 06R06878046067MK60 Số khung: 1FUJBBCG63LK98052 Do Mỹ sản xuất năm 2002 Màu sơn: vàng	Chiếc	1	253.000.000	253.000.000
2	Sơmi rơ moóc: loại 40 feet Nhãn hiệu: HUANYA Số khung: YNB07276 Do Trung Quốc sản xuất năm 2007	Chiếc	1	47.000.000	47.000.000
	TỔNG CỘNG				300.000.000

Tổng trị giá hợp đồng: **300.000.000 đồng** (Ba trăm triệu đồng chẵn)

- Giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm phí Bảo hiểm và các chi phí liên quan khác.

Điều 2: Thanh toán:

- Bằng chuyển khoản.
- Ngay sau khi ký hợp đồng, bên B sẽ thanh toán 01 lần vào tài khoản của Doanh nghiệp tư nhân VT & TM Quốc Khánh. Số tài khoản: 0211 000 253 898 tại Ngân hàng Vietcombank Thái Bình.

Điều 3: Giao hàng

- Thời gian giao hàng: ngay sau khi bên B thanh toán hết tiền.
- Địa điểm giao hàng: Tại Hải Phòng.
- Trong thời gian bên B chưa thanh toán hết tiền, bên A sẽ cùng với bên B làm thủ tục đăng ký và quản lý xe tại bãi của bên A.

Điều 4: Trách nhiệm hai bên:

1- Bên A có trách nhiệm:

- Giao hàng đúng thời hạn, chủng loại, thông số kỹ thuật.
- Hoàn thiện việc rút hồ sơ để bên mua chuyển đổi đăng ký

2- Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua hàng theo điều 1 và điều 2 của hợp đồng này, nếu không phải chịu lãi suất quá hạn.
- Nhận xe đúng thời hạn thoả thuận, nếu không phải chịu mọi chi phí phát sinh.
- Hoàn thành thủ tục sang tên trước khi đưa vào sử dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi mọi vấn đề xảy ra khi xe đã đi vào sử dụng.

Điều 5: Cam kết chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký.
- Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng, nếu không tự giải quyết được thì sẽ đưa ra Toà án Kinh tế Thành Phố Hải Phòng để giải quyết. Và quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng để hai bên thực hiện. Bên nào có lỗi bên đó chịu toàn bộ lệ phí.
- Mọi sửa đổi bổ sung phải được thể hiện bằng văn bản, có xác nhận của hai bên.
- Hợp đồng này được thành lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký. Sau 60 ngày không có tranh chấp, hợp đồng coi như đã được thanh lý./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

-Sau khi tiến hành lập hợp đồng kinh tế hai bên tiến hành xác nhận là đã nhận xe:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY XÁC NHẬN

Hôm nay, ngày 21 Tháng 07 Năm 2009.

Công ty TNHH Vận tải Tiền Phong - Đại diện ông ***Nghiêm Ngọc Trường***
mua 01 đầu kéo + 01 somi romoóc của ông ***Trần Văn Khánh***

1- 01 xe ô tô đầu kéo FREIGHTLINER:

- Màu vàng do Mỹ sản xuất năm 2002.
- Số máy: 06R06878046067MK60
- Số khung: 1FUJBBCG63LK98052

2- 01 Somi romoóc loại 40 feet:

- Số khung: YNB07276
- Do Trung Quốc sản xuất năm 2007.

Tổng giá trị 01 xe đầu kéo + 01 somi romoóc là : 300.000.000 đồng

(Ba trăm triệu đồng chẵn)

Ngày 21 tháng 07 Năm 2009 Công ty TNHH Vận tải Tiền Phong tạm ứng trước cho Ông Khánh: ***100.000.000 đồng*** (*Một trăm triệu đồng chẵn*). Số tiền còn lại là ***200.000.000 đồng*** (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) sẽ thanh toán hết sau khi ông Khánh hoàn tất thủ tục hồ sơ để làm đăng ký.

Giấy này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ XE

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Sau khi tiến hành mua xe, công ty tiến hành thủ tục đăng ký xe ô tô đầu kéo + sori rơmoóc:

Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

78- ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 24/7/09

Số: PC0207

TK Nợ: TK 211

TK Có: TK 111

Người nhận : Nghiêm Ngọc Trường
Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng
Diễn giải: Lệ phí đăng kiểm xe ô tô 7393, Trung tâm đăng kiểm xe
cơ giới HP.
Số tiền: 7.780.000
Bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng chẵn

Ngày 24 tháng 07 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán

Người nhận

Thủ quỹ

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Tổng cục thuế	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Mẫu số : 01-
Cục thuế TP Hải Phòng	Độc lập – Tự do – hạnh phúc	05/BLP
	-----o0o-----	Xê ri: AP/2008

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ

(Liên2: Giao cho người nộp tiền) Số : 018368

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Cty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Địa chỉ: 78 ĐB Trần hưng đạo

Lý do nộp: Đăng ký moóc 16R – 4311

Số tiền: 100.000 đ

Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng chẵn ./.

Hình thức thanh toán: TM

Ngày 24 tháng 07 năm 2009

Người thu tiền

Tổng cục thuế	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Mẫu số : 01-
Cục thuế TP Hải Phòng	Độc lập – Tự do – hạnh phúc	05/BLP
	-----o0o-----	Xê ri: AP/2008

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ

(Liên2: Giao cho người nộp tiền) Số : 017592

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Cty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Địa chỉ: 78 ĐB Trần hưng đạo

Lý do nộp: Đăng ký xe 16 M - 7393

Số tiền: 150.000

Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn ./.

Hình thức thanh toán: TM

Ngày 24 tháng 07 năm 2009

Người thu tiền

(ký, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

BỘ TÀI CHÍNH Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Mẫu CTT 06
TỔNG CỤC THUẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Ký hiệu: BA/
Chi cục thuế quận Lê Chân -----o0o----- 2008

BIÊN LAI THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Liên 2: Giao cho người nộp tiền) 0027722

Người nộp: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Địa chỉ số nhà: 78 - ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng

Loại Tài sản	SL	Ký hiệu	Giá ĐV	Trị giá TS tính lệ phí	Tỷ lệ thu	Số lệ phí phải nộp ngân sách
Ô tô đầu kéo FRETGHILEVER	01	BKS: 17K-6435		300.000.000	2%	6.000.000
Sơ ri romoóc HUANYA	01	BKS: 17K- 0034		76.500.000	2%	1.530.000
Cộng						7.530.000

Tổng số lệ phí phải nộp ngân sách(bằng chữ) : Bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn ./.

Ngày 24 tháng 07 năm 2009

Người thu tiền

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Xuất dầu cho xe chạy thử:

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

LỆNH XUẤT VẬT TƯ

Ngày 24 Tháng 07 Năm 2009

STT	Mã số	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	DAU DIEZEL	Dầu Diezel	lit	558.13	
2	DAU MAY HD	Dầu máy HD	lít	15	

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Giám đốc
(đã ký)

Kế toán vật tư
(đã ký)

Trưởng phòng vật tư

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mẫu số: 02 – VT

Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 24 Tháng 07 Năm 2009

Số CT0020

TK nợ : 154

TK có: 15241,1531,15221

Họ và tên người giao hàng: Phòng kế toán

Diễn giải: Xuất kho vật tư cho xe chạy thử

Xuất tại kho: Kho vật tư công ty

Loại xuất:

STT	Mã số	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DAU DIEZEL	Dầu Diezel	lit	558.13	14.600	8.148.630
2	DAU MAY HD	Dầu máy HD	lít	15	27.029,09	351.378
	Tổng					8.500.000

Xuất ngày 24 tháng 07 năm 2009

Số tiền bằng chữ: Tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

Phụ trách cung tiêu

Người nhận hàng

Thủ kho

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

- Sau khi thiết bị đã được đăng ký và cho chạy thử và chính thức đưa vào sử dụng theo yêu cầu, nhân viên phòng kế toán làm giấy đề nghị thanh toán có chữ ký của những người có liên quan để căn cứ vào đó kế toán tiền gửi ngân hàng lập chứng từ uỷ nhiệm chi thanh toán số mua xe cho Doanh nghiệp TN VT & Tm Quốc Khánh.

UỶ NHIỆM CHI

Số : 047

Chuyển khoản tiền từ điện tử Ngày 26/07/2009

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong	Phần do NH ghi:
Số Tài khoản: 25717839	TK ghi Nợ:
Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại Cổ phần á châu(ABC)	
Tên đơn vị nhận tiền: Doanh nghiệp TN VT & vTM Quốc Khánh	Tk ghi Có:
Số tài khoản: 0211000253898	
Tại ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank Thái Bình	Số tiền bằng số: 300.000.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn.

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua xe đầu kéo + sori romoóc 16M - 7393

- Theo thoả thuận trong hợp đồng, sau khi Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong chuyển tiền mua xe ô tô, đến ngày 26/07/2009 Doanh nghiệp TN VT & TM Quốc Khánh lập hóa đơn;

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG

Mẫu số: 02 GTTT – 3LL

THÔNG THƯỜNG

CU/ 2008B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0060192

Ngày 26 tháng 07 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp TN VT và TM Quốc Khánh

Địa chỉ: Hưng hà - Thái Bình

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 10003597746

Họ tên người mua hàng: Nghiêm Ngọc Trường

Tên đơn vị: Công ty TNHH VT Tiền Phong

Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK MST: 0200728300

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sơ ri romoocs nhãn hiệu HUANYA Số khung: VNB07276 Do Trung Quốc sản xuất năm 2007	c	01	47.000.000	47.000.000

Cộng tiền bán hàng hoá, dịch vụ: 47.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu đồng chẵn./.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG

Mẫu số: 02 GTTT – 3LL

THÔNG THƯỜNG

CU/ 2008B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0060192

Ngày 26 tháng 07 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp TN VT và TM Quốc Khánh

Địa chỉ: Hưng hà - Thái Bình

Số tài khoản:

Điện thoại:

MST: 10003597746

Họ tên người mua hàng: Nghiêm Ngọc Trường

Tên đơn vị: Công ty TNHH VT Tiền Phong

Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200728300

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 2*1
1	Xe ô tô đầu kéo FREIGHLINER Số máy: 06R06878046067MK60 Số khung: 1FUJBBCG 63LK98052 Do mỹ sản xuất Màu sơn vàng	c	01	253.000.000	253.000.000

Cộng tiền bán hàng hoá, dịch vụ: 253.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn ./.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

- Vào ngày 26/07/2009 sau khi hoàn thành việc bàn giao, lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng:

Hải phòng, ngày 26 tháng 07 năm 2009

-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

CÔNG TRÌNH: CUNG CẤP, LẮP ĐẶT, CHẠY THỬ XE ÔTÔ + SƠ RI RƠMOOC 16M – 7393

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG

Căn cứ vào hợp đồng 1-7/2009 ngày 21 tháng 07 năm 2009 đã được ký kết giữa Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong và Doanh Nghiệp Tư Nhân Vận Tải và Thương Mại Ngọc Thanh về việc cung cấp, lắp đặt, chạy thử xe ô tô + romoóc 16M – 7393

Căn cứ vào giấy biên nhận

Thành phần gồm có:

BÊN A (BÊN BÁN): DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VT & TM QUỐC KHÁNH

- Địa chỉ : Dân Chủ – Hưng Hà - Thái Bình
- Điện thoại : 0987.566.566
- Mã số thuế : 1000359746
- Số tài khoản :
- Đại diện : Ông *Trần Văn Khánh* - Chức vụ : Giám đốc

BÊN B (BÊN MUA): CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG

- Địa chỉ : Số 78 Đường Bao Trần Hưng Đạo – Hải An - HP
- Điện thoại : 0313.555635 - Fax: 0313.555634
- Mã số thuế : 0200728300
- Đại diện : Ông *Nghiêm Ngọc Trường* - Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau thống nhất lập biên bản thanh lý hợp đồng đã ký số : 01-7/BBTL với các nội dung sau:

1. Tổng số tiền theo hợp đồng là: 300.000.000
2. Số tiền bên B đã tạm ứng :

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

3. Số tiền bên B phải thanh toán: 300.000.000 đ
(Bằng chữ: ba trăm triệu đồng chẵn./.)

4. Tồn tại : giải quyết tiếp sau khi ký biên bản thanh lý:

Bên B có trách nhiệm thanh toán số tiền cho bên A bằng tiền mặt hoặc gửi qua ngân hàng vào số tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

Bên A có trách nhiệm bảo hành thiết bị trong thời hạn 12 tháng(trừ những sự cố do lỗi của bên B hoặc khách hàng gây lên). Hết thời hạn bảo hành bên A sẽ bảo trì thiết bị của mình trong thời gian 2 năm, kinh phí do bên B chịu.

Những điều tồn tại ghi ở mục 4, hai bên đều có trách nhiệm thanh quyết toán với nhau . Ngoài ra không còn điều gì khiếu nại và chấm dứt hiệu lực thi hành hợp đồng 01-7/BBTL, kể từ ngày thanh lý hợp đồng.

- Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 211: 316.280.000

Có TK 331 : 300.000.000

Có TK 111 : 7.780.000

Có TK 152 : 8.500.000

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Số:

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
			Nợ	Có		
		Cộng trang trước chuyển sang				
PC0177	02/7	Phí Do, vệ sinh Công ty VTB container VINALINK	627		63.636	
			133		6.364	
				111	70.000	
DT0029	06/7	Doanh thu vận tải Công ty CP 1 Traco	131		323.240.000	
				511	307.847.619	
				333	15.392.381	
GBC37	06/7	Thu tiền cước vận chuyển Công ty TNHH Vận Tải Lương Giang	1121	131	59.535.000	
GBN47	07/7	Trả cước vận chuyển Công ty TNHH Cúc Phương	331	1121	60.000.000	
HĐ017	21/7	Mua đầu kéo + moóc xe 7393 doanh nghiệp tư nhân	2114	331	300.000.000	
PC0207	24/7	Lệ phí đăng kiểm xe + moóc xe 7393	2114	111	7.780.000	
CT0020	24/7	Xuất dầu cho xe chạy thử	2114	152	8.500.000	
GBN47	26/7	Trả tiền mua đầu kéo DNTN Quốc Khánh	331	112	300.000.000	
PC0308	30/7	Trả lương nhân viên tháng 07	334	111	356.795.000	
		Cộng phát sinh				
Kèm theo:..... Chứng từ gốc.						
Người lập		Kế toán trưởng				

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
78 ĐB Trần Hưng Đạo

Mẫu số: S02c2 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 211

Năm 2009

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		3.976.235.191	
....			
HĐ017	21/7	Mua đầu kéo + moóc xe 7393 doanh nghiệp tư nhân	331	300.000.000	
PC0207	24/7	Lệ phí đăng kiểm xe + moóc xe 7393	111	7.780.000	
				
CT0020	24/7	Xuất dầu cho xe chạy thử	152	8.500.000	
.....	
NB0015	16/8	Chuyển nhượng xe ô tô	811		441.225.912
			214		160.445.788

Tổng số phát sinh nợ: 316.280.000

Tổng số phát sinh có: 601.671.770

Số dư cuối kỳ: 3.730.843.421

2.2.4.2. Kế toán giảm TSCĐ:

Thủ tục , chứng từ giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán:

TSCĐ đưa ra thanh lý, nhượng bán những TSCĐ không cần dùng hoặc không còn sử dụng được, hiện đơn vị đang theo dõi quản lý, khi đưa ra thanh xử lý, đơn vị phải lập đầy đủ hồ sơ và thực hiện theo quy định của nhà nước về công tác thanh xử lý tài sản.

Thủ tục chứng từ giảm TSCĐ: Bộ phận quản lý tài sản gửi đề nghị thanh lý, nhượng bán tài sản lên Ban giám đốc. Được phê duyệt, Ban giám đốc sẽ tiến hành đánh giá những tài sản thanh lý, nhượng bán, lập biên bản thanh lý nhượng bán, tìm đối tác cần mua, lập hợp đồng kinh tế .Ban xử lý của đơn vị được lập gồm : đại diện thủ trưởng đơn vị, phòng vận tải...Biên bản bàn giao hàng hóa được ban xử lý lập, chuyển thủ trưởng đơn vị kí.Tòan bộ chứng từ liên quan đến nghiệp vụ giảm TSCĐ chuyển cho kế toán TSCĐ. Các chứng từ liên quan gồm:

- Quyết định thanh lý, nhượng bán
- Biên bản bàn giao
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu

Ví dụ:

Ngày 16/8/2009 công ty nhượng bán 01 ô tô con. Nguyên giá: 601.671.700. Số khấu hao: 160.445.788. Giá trị còn lại: = 601.671.700 – 160.445.788 = 441.225.912. Công ty nhượng bán với giá : 460.000.00

Khoản doanh thu:

Nợ TK 111: 460.000.000
Có TK 3331: 41.819.000
Có TK 711 :418.190.000

Ghi giảm nguyên giá TSCĐ:

Nợ TK 811:441.225.912
Nợ TK 214:160.445.788
Có TK 211:601.671.700

Các chứng từ liên quan:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản bàn giao
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
ĐC: 78 ĐB Trần Hưng Đạo

Mẫu số: 02 – TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 10/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 16 tháng 08 năm 2009

Số: NB0015 Nợ : 811,241

Có: 211

Căn cứ biên bản ngày 15 tháng 08 năm 2009 của hội đồng các thành viên về việc nhượng bán TSCĐ

I. Ban thanh lý, nhượng bán gồm:

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| - Ông: Nghiêm Ngọc Trường | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Bùi Mạnh Hùng | Chức vụ: Phó Giám đốc |
| - Bà : Nguyễn Thanh Hồng | Chức: Kế toán Trưởng |

II. Tiến hành nhượng bán:

- Tên: Xe ô tô Ford Mondeo
- Nước sản xuất: Mỹ
- Năm sản xuất: 2004
- Năm đưa vào sử dụng: 2007
- Nguyên giá: 601.671.700
- Giá trị hao mòn đến thời điểm nhượng bán: 160.445.788

III. Kết luận của ban thanh lý, nhượng bán:

IV. Kết quả nhượng bán

- Giá nhượng bán: 460.000.000
- Giá trị thu hồi:
- Đã ghi giảm TSCĐ ngày 31 tháng 08 năm 2009

Ngày 16 tháng 08 năm 2009

Giám đốc

Kế toán trưởng

--

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Sau khi có quyết định nhượng bán tài sản của ban lãnh đạo công ty, tiến hành bàn giao tài sản cho bên mua:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----*****-----

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Hôm nay vào hồi 8 giờ ngày 16 tháng 08 năm 2009 tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong(Số 78 ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng)

Chúng tôi gồm có:

1. Ông: Nghiêm Ngọc Trường Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
2. Ông: Bùi Mạnh Hùng Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
3. Ông: Nguyễn Xuân Thảo Đơn vị: Số 54/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân – Hải phòng

Cùng tiến hành lập biên bản bàn giao xe ô tô như sau:

+ Tình trạng kỹ thuật : Tốt

+ Lý do bàn giao: Nhượng bán

Danh mục chi tiết

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
1	Xe ô tô Ford Mondeo SK: RB 44T01662 SM: JBB 4T01662	Cái	01	460.000.000	
2	Đăng ký xe ô tô	Cái	01		
3	Sổ kiểm định lưu hành	Cái	01		
4	Chứng nhận bảo hiểm	Cái	01		
5	Hóa đơn GTGT	Cái	01		
	Tổng			460.000.000	

Đại diện công ty

Người bàn giao

Người nhận bàn giao

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Lưu nội bộ

Mẫu số: 01/GTK

NA/2009B

0077419

Ngày 16 tháng 08 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Nghiêm Ngọc Trường

Địa chỉ: Công ty TNHH VT Tiền Phong

78 ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 0200728300

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Xuân Thảo

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Số 54/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân – Hải phòng

Hình thức thanh toán: CK MST:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 2*1
1	Chuyển nhượng xe ô tô con 05 chỗ Nhãn hiệu Ford Mondeo SK: RB 44T01662 SM: JBB 4T01662 Màu đen	c	01	418.190.000	418.190.000
Cộng tiền hàng				418.190.000	
Thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT				41.810.000	
Tổng tiền thanh toán				460.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mẫu số 01- TT

Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/ 2006/QĐ -
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 16 tháng 08 năm 2009

Quyển.....

Số: PT0209

Nợ: 111

Có: 333, 711

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thanh Hồng

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp tiền: Thu tiền thanh lý xe ô tô con

Số tiền: 460.000.000

Viết bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền:

Viết bằng chữ:

Ngày 16 tháng 08 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập biểu Người nộp Thủ quỹ

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
78 ĐB Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 16/08/2009

Chứng từ		Nội dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số		Nợ	Có		
16/8	NB0015	Chuyển nhượng xe ô tô con	811	2114	441.225.912	
16/8	NB0015	Chuyển nhượng xe ô tô con	2141	2114	160.445.788	
		Tổng cộng			601.671.700	

Hải phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2009

Lập biểu

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Số:

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Cộng trạng trước chuyển sang				
HĐ017	21/7	Mua đầu kéo + moóc xe 7393 doanh nghiệp tư nhân	2113	331	300.000.000	
PC0207	24/7	Lệ phí đăng kiểm xe + moóc xe 7393	2113	111	7.780.000	
CT0020	24/7	Xuất dầu cho xe chạy thử	2113	152	8.500.000	
PC0308	30/7	Trả lương nhân viên tháng 07	334	111	356.795.000	
GBC50	05/8	Công ty Vận Tải quốc tế Việt Nhật thanh toán cước	112	131	598.405.000	
PT0023	06/8	Doanh thu vận chuyển HTX Song Long	111		5.000.000	
				511	4.761.904	
				333	238.096	
PC0215	12/8	Phí nâng hạ Cty Cp tiếp vận biển đông	627		299.048	
			133		14.952	
				111	314.000	
PT0209	16/8	Chuyển nhượng xe ô tô	111		460.000.000	
				3331	41.810.000	
				711	418.190.000	
NB0015	16/8	Chuyển nhượng xe ô tô	811		441.225.912	
			214		160.445.788	
				2114	601.671.700	
		Cộng phát sinh				

Kèm theo:..... Chứng từ gốc.

Người lập Kế toán trưởng

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
78 ĐB Trần Hưng Đạo

Mẫu số: S02c2 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 211
Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		3.976.235.191	
....			
HĐ017	21/7	Mua đầu kéo + moóc xe 7393 doanh nghiệp tư nhân	331	300.000.000	
PC0207	24/7	Lệ phí đăng kiểm xe + moóc xe 7393	111	7.780.000	
				
CT0020	24/7	Xuất dầu cho xe chạy thử	152	8.500.000	
.....	
NB0015	16/8	Chuyển nhượng xe ô tô	811		441.225.912
			214		160.445.788

Tổng số phát sinh nợ: 316.280.000

Tổng số phát sinh có: 601.671.770

Số dư cuối kỳ: 3.730.843.421

2.2.5. Kế toán khấu hao TSCĐ:

2.2.5.1. Nguyên tắc khấu hao TSCĐ tại công ty:

Chính vì vậy, công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong đã tổ chức công tác khấu hao TSCĐ rất chặt chẽ và hợp lý. Việc tính khấu hao của Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong được thực hiện theo quyết định số 206/2003/QĐ - BTC do Bộ Tài Chính ban hành. Theo quy định này việc trích hay không trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày TSCĐ tăng hoặc giảm hoặc ngừng tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, phải trích khấu hao theo nguyên tắc: TSCĐ tăng tính khấu hao luôn vào tháng phát sinh.

Việc trích khấu hao hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được bắt đầu từ tháng phát sinh nghiệp vụ tăng hoặc giảm.

Năm khấu hao cụ thể TSCĐ của Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong như sau:

Loại TSCĐ	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	08
Phương tiện vận tải	07
Máy móc thiết bị quản lý	05-07
Thiết bị dụng cụ văn phòng	04

- Công thức trích khấu hao (áp dụng công thức khấu hao theo đường thẳng) đối với tài sản tăng mới:

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Như vậy mức khấu hao tháng của tài sản hiện có sẽ được tính bằng công thức:

$$\text{Khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm}}{12 \text{ tháng}}$$

2.2.5.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán khấu hao:

- Tài khoản sử dụng : TK 214 – Hao mòn TSCĐ

Tài khoản này dùng để phản ánh tình trạng tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ

- Sổ sách: Sổ cái TK 214

2.2.5.3. Kế toán khấu hao TSCĐ:

Theo số liệu phần trước TSCĐ của Công ty tăng do mua sắm mới xe ô tô đầu kéo và sori romoóc vào ngày 24/7 thời hạn sử dụng là 7 năm, kế toán sẽ tiến hành trích khấu hao vào luôn tháng có nghiệp vụ phát sinh:

Vậy mức khấu hao của xe đầu kéo, và sori romoóc được tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao xe đầu kéo} = \frac{316.280.000}{7 \text{ năm}} = 45.182.857$$

+ Mức khấu hao tháng của xe ô tô đầu kéo + romoóc được tính như sau:

$$\text{Khấu hao tháng} = \frac{45.182.857}{12 \text{ tháng}} = 3.765.238$$

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 6274: 3.765.238

Có TK 214: 3.765.238

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Số:

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Cộng trang trước chuyển sang				
HĐ017	21/7	Mua dầu kéo + moóc xe 7393 doanh nghiệp tư nhân	2114	331	300.000.000
PC0207	24/7	Lệ phí đăng kiểm xe + moóc xe 7393	2114	111	7.780.000	
CT0020	24/7	Xuất dầu cho xe chạy thử	2114	152	8.500.000	
BKHT7	30/7	Khấu hao TSCĐ	627	214	47.568.513	
BKHT7	30/7	Khấu hao dầu xe + moóc 7393	627	214	3.765.238	
PC0308	30/7	Trả lương nhân viên tháng 07	334	111	356.795.000	
PT0209	16/8	Chuyển nhượng xe ô tô	111		460.000.000	
				3331	41.810.000	
				711	418.190.000	
NB0015	16/8	Chuyển nhượng xe ô tô	811		441.225.912	
			214		160.445.788	
				2114	601.671.700	
		Cộng phát sinh				

Kèm theo:..... Chứng từ gốc.

Người lập Kế toán trưởng

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mẫu số: S02c2 – DN

78 ĐB Trần Hưng Đạo

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 214

Năm 2009

DVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			579.220.612
....			
BKHT7	30/7	Khấu hao tài sản cố định	627		566.024.289
BKHT7	30/7	Khấu hao đầu xe kéo + Sơ ri romoóc 7393	627		3.765.238
.....
NB0015	16/8	Chuyển nhượng xe ô tô			
			211	160.445.788	

Tổng số phát sinh nợ: 160.445.188

Tổng số phát sinh có: 569.789.527

Số dư cuối kỳ: 988.564.951

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG

3.1. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG:

3.1.1. Ưu điểm

- Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm, quy mô, yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động kế toán không chỉ đơn thuần phản ánh về mặt giá trị của các con số phát sinh mà còn thực hiện chức năng cung cấp thông tin giúp lãnh đạo Công ty đưa ra các quyết định đúng đắn, hợp lý.

Các nhân viên trong phòng kế toán của Công ty có trình độ chuyên môn cao, không ngừng học hỏi trau dồi kinh nghiệm thực tế cũng như luôn cập nhật thông tin một cách nhanh chóng để áp dụng vào công tác kế toán ; các cán bộ kế toán được bố trí công việc phù hợp với trình độ . Có được sự phối hợp hài hoà, đồng bộ giữa các phòng ban chức năng với nhau, giữa phòng kế toán với các phòng ban khác trong công ty và cùng dưới sự lãnh đạo thống nhất của ban giám đốc để hoàn thành công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả.

- Hệ thống của kế toán: Công ty đang áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” là hình thức khá phổ biến và có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của Công ty. Việc sử dụng máy tính vào công việc kế toán giúp cho công việc hạch toán và lưu trữ chứng từ, sổ sách trở nên dễ dàng và khoa học hơn. Hệ thống sổ kế toán, tài khoản và các mẫu biểu Công ty sử dụng đều đúng như chính sách ban hành của Nhà nước.

- Các quy định trong công tác quản lý và hạch toán TSCĐ: Là theo đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành. Thể hiện trên những nội dung sau:

+ Về phân loại:

Việc phân loại TSCĐ của Công ty được tiến hành theo 01 cách: Phân loại theo hình thái – Cách phân loại này giúp cho kế toán tổ chức hạch toán , ghi chép,

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

phản ánh tình hình TSCĐ hiện có của toàn Công ty và sự biến động của các loại tài sản cố định thuộc công ty quản lý theo nguyên giá và giá trị còn lại. Từ đó giúp cho người sử dụng thông tin có thể biết kết cấu của TSCĐ trong công ty từ đó có phương hướng đầu tư TSCĐ một cách hợp lý để đổi mới công nghệ phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

+ Việc xác định nguyên giá TSCĐ tăng lên được kế toán TSCĐ áp dụng theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03, theo chế độ kế toán hiện hành và dựa vào từng trường hợp cụ thể mà kế toán xác định nguyên giá TSCĐ theo đúng quy định.

+ Kế toán TSCĐ áp dụng đúng các nguyên tắc chủ yếu trong quản lý TSCĐ làm cho công tác kế toán trong công ty được đơn giản, thể hiện:

Mỗi TSCĐ đều được theo dõi trên 02 chỉ tiêu: Nguyên giá, giá trị còn lại.

Mọi TSCĐ có liên quan đến hoạt động kinh doanh đều được tính khấu hao, mức khấu hao TSCĐ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và phương pháp khấu hao áp dụng cho từng TSCĐ mà công ty đã lựa chọn đăng ký đã được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ

- Việc hạch toán tăng, giảm TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong :tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành. Các chứng từ làm căn cứ ghi sổ kế toán đều là các chứng từ hợp lý, hợp lệ từ khâu mua sắm, từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Hàng tháng, khi kế toán TSCĐ tiến hành trích khấu hao TSCĐ thì số khấu hao trong kỳ được phân bổ vào giá thành hoặc chi phí của các bộ phận có sử dụng TSCĐ. Việc trích khấu hao TSCĐ của Công ty theo từng tháng và có các báo cáo về tình hình khấu hao TSCĐ sẽ giúp cho việc quản lý về mặt khấu hao thu hồi vốn cố định chặt chẽ và sát sao hơn/

3.1.2.Nhược điểm:

(1) Về bộ máy kế toán:

Mặc dù bộ máy kế toán gọn nhẹ song do nhu cầu vận chuyển ngày càng tăng, doanh nghiệp muốn mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, công việc của phòng kế toán tương đối nhiều trong khi kế toán của Công ty chỉ có 03 người. Kế toán trưởng vừa phải làm kế toán tổng hợp, vừa phải làm kế toán chi phí giá

thành. Hai kế toán viên trong cùng thời gian phải đảm nhiệm hai, ba nhiệm vụ rất vất vả. Sự thiếu hụt nhân viên kế toán khiến cho hiệu quả công việc chưa đạt mức tốt nhất, khả năng sai sót, thiếu chính xác trong tính toán có khả năng xảy ra. Sự sai sót của kế toán viên nếu không được phát hiện kịp thời và sửa chữa có thể gây hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng tình hình kinh doanh của Công ty.

(2) Về đánh số TSCĐ:

Trong Công ty có nhiều loại tài sản cùng loại có nguyên giá khác nhau nhưng công ty vẫn chưa đánh số tài sản theo từng nhóm loại. Điều này dễ gây ra sự nhầm lẫn giữa loại tài sản này với loại tài sản khác cùng loại ở một số bộ phận, tác động trực tiếp đến việc phân bổ sản xuất. Sự nhầm lẫn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc quản lý, sử dụng và hạch toán TSCĐ. Kế toán viên, người sử dụng sẽ mất nhiều thời gian trong việc vào sổ sách, kiểm tra từng loại tài sản mới tìm được loại tài sản cần dùng. Công ty nên tiến hành đánh số càng sớm càng tốt.

(3) Về phân loại TSCĐ:

Chỉ áp dụng một cách phân loại theo hình thái biểu hiện. Với cách phân loại này Công ty chỉ mới liệt kê các loại tài sản đưa vào nhóm lớn, chưa thấy được sự phân loại rõ ràng theo nhiều cách khác nhau như mục đích và tình hình sử dụng của tài sản đó như thế nào? tài sản đó được hình thành từ nguồn gốc nào? chủ sở hữu hay các khoản phải trả.

Chính điều này khiến cho doanh nghiệp chưa thấy hết được đặc điểm của từng loại TSCĐ để áp dụng hình thức sử dụng và quản lý toán áp dụng phương pháp tính khấu hao, quy định thời gian sử dụng, chế độ bảo dưỡng TSCĐ,... cho phù hợp

(4) Việc kiểm kê tài sản:

Công ty chưa tiến hành kiểm kê tài sản định kỳ 6 tháng hay 1 năm một lần. Do vậy không xác nhận được số lượng, giá trị tài sản hiện có, thừa thiếu so với kế toán trên cơ sở tăng cường quản lý TSCĐ và làm cơ sở cho việc quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

(5) Về đánh giá lại tài sản:

Công ty không tiến hành đánh giá lại TSCĐ theo quy định của nhà nước hay khi cần thiết. Trong quá trình sử dụng mỗi TSCĐ được tiến hành trích khấu hao theo một tỷ lệ nhất định song ngoài hao mòn hữu hình còn có hao mòn vô hình (sự tiến bộ của KHKT, sự trượt giá của thị trường), điều này gây cản trở trong việc xác định giá trị còn lại thực tế của tài sản hiện có của Công ty theo giá thị trường. Khi khấu hao của tài sản không được chính xác thì việc tính giá thành sản phẩm cũng không chính xác. Chính việc đó cũng sẽ dẫn đến việc thu hồi vốn cố định gặp khó khăn.

(6) Về sổ sách kế toán:

Công ty chưa mở sổ chi tiết TSCĐ và sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng

- Khi chưa mở sổ kế toán chi tiết TSCĐ thì kế toán cũng như ban lãnh đạo công ty không theo dõi và quản lý chặt chẽ tài sản trong đơn vị từ khi mua sắm đưa vào sử dụng đến khi ghi giảm TSCĐ
- Còn việc chưa mở sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng khiến cho việc ghi chép tình hình tăng giảm TSCĐ tại nơi sử dụng mất thời gian và vất vả cho kế toán viên. Không có sổ theo dõi này cũng rất khó khăn cho công ty trong quá trình kiểm kê định kỳ, phân bổ khấu hao cho đơn vị sử dụng

(7) Về vấn đề tin học:

Cùng với sự phát triển của XH hiện nay nền sản xuất cũng không ngừng phát triển để đáp ứng các yêu cầu mới. Yêu cầu của công tác quản lý về khối lượng và chất lượng thông tin hạch toán ngày càng tăng. Đặc biệt công tác quản trị Doanh nghiệp trong cơ chế thị trường cạnh tranh đòi hỏi phải tính toán chính xác kịp thời để đưa ra những quyết định đúng đắn. Tất cả những điều này thể hiện sự cần thiết phải áp dụng máy tính trong công tác kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng.

Mặc dù công ty đã sử dụng máy tính vào trong công tác kế toán nhưng mới chỉ mang tính chất hỗ trợ chứ chưa thực sự đưa phần mềm vào sử dụng nên chưa khai thác được hết công dụng của phần mềm của máy tính để giảm nhẹ sức lực và thời gian làm việc cho các kế toán viên. Chính vì vậy Công ty nên nhanh chóng đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để bắt kịp xu thế chung thời đại.

(8) Về việc áp dụng phương pháp khấu hao TSCĐ:

Hiện nay, TSCĐ trong công ty có nhiều loại nhiều nhóm khác nhau công dụng của TS cũng như cách thức phát huy tác dụng của tài sản trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng khác nhau. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của KH –KT hao mòn vô hình ngày càng lớn, đặc biệt máy móc thiết bị ngày càng hiện đại nên nhu cầu đổi mới TSCĐ ngày càng cao. Việc áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng mà công ty đang áp dụng là một cách dễ hiểu , đơn giản, dễ làm.

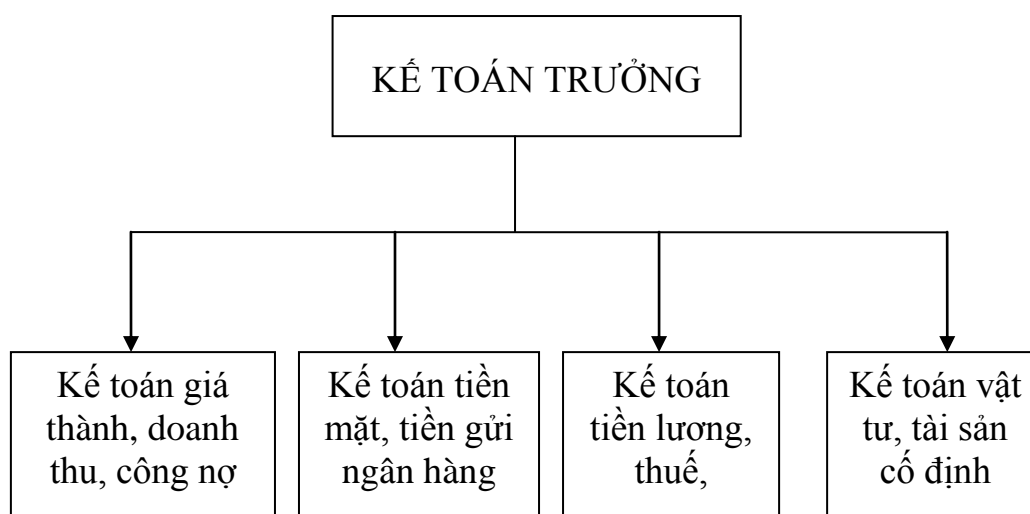
Mặc khác công ty không tiến hành tính khấu hao theo ngày. Khi một TSCĐ được mua sắm mới trong tháng thì công ty tính luôn khấu hao tròn một tháng trong tháng phát sinh nghiệp vụ, như vậy sẽ không đúng nguyên tắc và sẽ gây khó khăn cho việc phân bổ khấu hao vào chi phí.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIỀN PHONG:

(1) Về bộ máy kế toán:

Tăng cường thêm kế toán viên để giảm bớt áp lực và gánh nặng cho nhân viên kế toán. Có thể tăng cường thêm 01 kế toán viên làm kế toán chi phí phụ trách mảng chi phí giá thành, doanh thu công nợ. Có như vậy công việc được giảm nhẹ cho mỗi kế toán viên, đồng thời kế toán viên sẽ có thể tập trung tốt hơn vào phần việc của mình sẽ giúp cho hiệu quả công việc được tốt hơn.

Có thể sắp xếp lại bộ máy kế toán theo sơ đồ sau:



(2) Về đánh số TSCĐ:

Khi hạch toán tăng giảm TSCĐ kế toán phải thu thập đầy đủ chứng từ kế toán có liên quan vào hồ sơ lưu lại tại phòng kế toán. Sau khi bộ hồ sơ đầy đủ, kế toán nhất thiết phải đánh số TSCĐ theo từng nhóm, từng loại TSCĐ để thuận lợi chop công tác thống kê và quản lý tài sản tránh nhầm lẫn.

Tác dụng của việc đánh số này giúp cho kế toán viên nhanh chóng nắm bắt được số lượng TSCĐ đang có ở công ty khi kiểm kê, tiết kiệm được thời gian và công sức của con người đồng thời nâng cao hiệu quả của công việc.

Ví dụ:

Ngày 24/07/2009 công ty tiến hành mua 01 xe ô tô đầu kéo + sori romoóc với nguyên giá: 316.280.000 đ

Kế toán căn cứ vào:

- Hợp đồng mua bán
- Biên bản giao nhận
- Hoá đơn GTGT
- Uỷ nhiệm chi
- Các tài liệu khác liên quan

Sau khi thu thập được, kế toán lưu hồ sơ tại phòng kế toán, và tiến hành đánh số TSCĐ: 01- TTSCĐ

(3) Về phân loại TSCĐ:

Công ty nên phân loại nhiều hình thức phân loại TSCĐ theo quy định của nhà nước ngoài hình thức phân loại theo hình thái biểu hiện để thấy được các ưu điểm công dụng của từng loại tài sản như:

+ Phân loại theo tính chất và mục đích sử dụng: Để thấy được tài sản đó phục vụ cho bộ phận nào với mục đích gì?

Ví dụ như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có: máy móc thiết bị, nhà xưởng, kho chứa nhiên liệu phục vụ cho sản xuất.

+ Phân loại theo vốn hình thành: Để thấy được TSCĐ chiếm bao nhiêu phần trăm trong % tổng vốn.

Ví dụ tại thời điểm ngày 31/12/2010 TSCĐ của công ty có giá trị là 3.765.489.302 đ chiếm 75% tổng vốn của Công ty.

(4) Kiểm kê TSCĐ:

Công ty nên tiến hành kiểm kê tài sản định kỳ mỗi năm một lần theo quy định của Bộ Tài chính. Tiến hành lập “Biên bản kiểm kê tài sản cố định” nhằm xác định số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, thừa thiếu so với sổ sách trên cơ sở đó tăng cường quản lý TSCĐ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Kiểm kê tài sản chia làm 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Kiểm kê thực tế

+ Trước khi bắt đầu kiểm kê, Công ty lập Ban kiểm kê, tiến hành kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ tài liệu của từng đối tượng TSCĐ, xác định tình trạng lập và ghi chép thẻ TSCĐ, các sổ sách kế toán tổng hợp

+ Khi tiến hành kiểm kê, Ban kiểm kê phải trực tiếp xem xét, kiểm tra từng đối tượng TSCĐ, ghi chép đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu trên phiếu kiểm kê và xác định số lượng thực có trong kiểm kê. Cụ thể: Ban kiểm kê xác định số lượng, chất lượng, giá trị TSCĐ hiện có của công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong đến thời kiểm kê bao gồm: TSCĐ đang dùng trong sản xuất kinh doanh, TSCĐ đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng được, TSCĐ chưa cần dùng, không cần dùng, TSCĐ chờ thanh lý. Xác định nguồn hình thành TSCĐ

+ Căn cứ vào số liệu trên sổ sách kế toán, Ban kiểm kê kết luận số liệu trên sổ sách kế toán là đúng với sự thật có xác định trong kiểm kê.

Giai đoạn 2: Lập biên bản kiểm kê:

Căn cứ vào kết quả kiểm kê, khi có kết luận không có chênh lệch xảy ra giữa số liệu trên sổ sách với số thực tế có, kế toán TSCĐ tiến hành lập biên bản kiểm kê.

Ví dụ:

Ngày 31/12/2009 công ty tiến hành kiểm kê TSCĐ.

- Công ty lập biên bản kiểm kê:

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo- HA – HP

Mẫu số 05- TSCĐ
(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thời điểm kiểm kê : 08 giờ 00 ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Bùi Mạnh Hùng
Chức vụ : Phó giám đốc Đại diện BGD - trưởng ban
- Ông: Nghiêm Ngọc Trường
Chức vụ : Trưởng phòng kinh doanh - uỷ viên
- Bà :Nguyễn Thanh Hồng
Chức vụ: Trưởng phòng tài chính kế toán - uỷ viên

Đã kiểm kê TSCĐ kết quả như sau:

STT	Tên TSCĐ	Mã số	Nơi SD	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				SL	NG	GTCL	SL	NG	GTCL	SL	NG	GTCL	
1	Xe ô tô đầu kéo 16 K - 7210			01	263.153.000	159.771.462	01	263.153.000	159.771.462	0	0	0	
2								
3													

Ngày tháng..... năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

(5) Đánh giá lại TSCĐ:

Công ty nên tiến hành đánh giá lại TSCĐ theo quy định của nhà nước hoặc vào cuối niên độ kế toán. Việc đánh giá lại TSCĐ là một cách thường xuyên theo quy định của nhà nước và chính xác có lợi cho công ty. Hàng năm, vào cuối niên độ kế toán, công ty nên tiến hành đánh giá lại tài sản là hợp lý nhất. Hiện nay do khoa học công nghệ ngày càng tiến bộ làm cho TSCĐ không tránh khỏi sự hao mòn vô hình. Đồng thời với một cơ chế trị trường như hiện nay giá cả thường xuyên biến động. Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với thực tế. Việc thường xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn cố định nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có biện pháp xử lý những TSCĐ bị mất giá nghiêm trọng chống thất thoát vốn.

Làm được điều này sẽ tạo điều kiện cho việc đánh giá năng lực sản xuất thực của TSCĐ hiện có từ đó có những quyết định đầu tư đổi mới TSCĐ một cách đúng đắn và như vậy mới nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Khi tiến hành đánh giá lại TSCĐ, công ty nên tiến hành lập “ Biên bản đánh giá lại TSCĐ theo mẫu như sau:

Ví dụ:

Sau khi kiểm kê tài sản, tiến hành đánh giá lại TSCĐ.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong
Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo – HA – HP

Mẫu số 04 TSCĐ
(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số:

Nợ:

Có:

Căn cứ Quyết định số 01 ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ban giám đốc Công ty về việc đánh giá lại TSCĐ.

- Ông : Bùi Mạnh Hùng - Chức vụ : Giám đốc - Đại diện Ban giám đốc công ty - CT hội đồng
- Ông: Nghiêm Ngọc Trường - Chức vụ: Phó Giám đốc - Ủy viên
- Bà : Nguyễn Thanh Hồng - Chức vụ: Trưởng phòng tài chính kế toán - Ủy viên

STT	Tên mã, ký hiệu, quy cách	Số hiệu TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Giá trị đang ghi sổ			Giá trị còn lại theo đánh giá lại	Chênh lệch	
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		Tăng	Giảm
1	Xe ô tô đầu kéo 16K - 7210			263.153.000	103.381.538	159.771.462	159.771.462	0	0

Kết luận:.....

Ủy viên

Ủy viên

CT hội đồng

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

(6) Về sổ sách kế toán:

Để theo dõi toàn bộ TSCĐ khi mua sắm mới, quá trình khấu hao cho đến khi thanh lý, nhượng bán TSCĐ, kế toán nên mở: "Sổ chi tiết TSCĐ". Sổ này dùng để đăng ký, theo dõi và quản lý chặt chẽ tài sản trong đơn vị từ khi mua sắm, đưa vào sử dụng đến khi ghi giảm TSCĐ.

Mẫu sổ chi tiết TSCĐ:

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mẫu số S21- DN

Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo – HA - HP

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TSCĐ

Năm: 2009 Loại TSCĐ: Phương tiện vận tải

Bộ phận sử dụng: Đội lái xe

STT	Ghi tăng TSCĐ						Khấu hao TSCĐ				Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên nước, đặc điểm	Nước SX	TG đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Khấu hao TSCĐ			Luỹ kế KH tới ngày thanh lý	Chứng từ		Lý do thanh lý
	SH	NT					NG	% KH	Mức KH		SH	NT	
1	CN0021	24/7		Mỹ	28/7		316.280.000						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang
- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm

Kế toán trưởng

Mặt khác khi mua sắm, đầu tư xây dựng TSCĐ kế toán hạch toán chi tiết tại phòng kế toán qua thẻ kế toán và danh mục TSCĐ, chi phí khấu hao. Qua thực tế tại công ty em thấy công tác kế toán chi phí tại phòng kế toán là khá chặt chẽ và hợp lý. Tuy nhiên khi tài sản được bàn giao cho các phòng ban sử dụng thì lại không được theo dõi trên “sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng” mà chỉ quản lý bằng hiện vật và chịu trách nhiệm vật chất qua các chứng từ giao nhận TSCĐ. Vậy nên tại các đơn vị sử dụng bảo quản TSCĐ công ty nên tiến hành mở “Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng” để các đơn vị theo dõi tình hình TSCĐ của đơn vị, phòng ban mình. Như vậy các đơn vị, phòng ban được bàn giao TSCĐ sẽ luôn có những nhận biết, thông tin chính xác về tình hình TSCĐ của đơn vị mình, từ đó sẽ chủ động và có trách nhiệm hơn trong quản lý và sử dụng TSCĐ. Đồng thời việc sử dụng “Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng” cũng giúp tạo thêm tính hiệu quả và thống nhất trong công tác kế toán chi tiết tại phòng kế toán và đơn vị sử dụng.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mẫu “Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng”:

Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Mẫu số S22- DN

Địa chỉ: 78 ĐB Trần Hưng Đạo – HA - HP

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ TSCĐ THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Năm: 2009

Loại TSCĐ: Phương tiện vận tải

Bộ phận sử dụng: Đội lái xe

Ghi tăng TSCĐ							Ghi giảm TSCĐ					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CN 00201	24/7	Xe ô tô đầu kéo	c	01	316.280.000	316.280.000						
		Cộng										

- Sổ này có..... trang, đánh từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.....năm.....

Giám đốc

(7) Về vấn đề tin học:

Công ty nên tiến hành áp dụng một phần mềm kế toán, ví dụ phần mềm kế toán Weekend Accounting

Trong điều kiện ứng dụng phần mềm vi tính phục vụ cho công tác kế toán TSCĐ và các khoản đầu tư cần lưu ý một số nội dung sau:

- Tổ chức mã hoá TSCĐ theo từng nhóm đối tượng ghi TSCĐ

Đối tượng ghi TSCĐ hữu hình là từng vật kết cấu hoàn chỉnh bao gồm cả vật gá lắp phụ từng kèm theo. Đó có thể là một vật thể riêng biệt về mặt kết cấu, có thể thực hiện được chức năng độc lập nhất định hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận TS liên kết với nhau không thể tách rời để cùng được thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định.

Đối tượng ghi TSCĐ vô hình là từng TSCĐ vô hình gắn với nội dung chi phí và mục đích riêng mà doanh nghiệp có thể xác định một cách riêng biệt, có thể kiểm soát và thu lợi ích kinh tế từ việc nắm giữ tài sản.

Việc mã hoá TSCĐ là tùy thuộc vào số lượng, chủng loại TSCĐ hiện có ở DN, nhưng tuyệt đối phải đảm bảo nguyên tắc không trùng mã và dễ dàng nhận biết TSCĐ theo từng loại, từng nhóm.

VD: Xác định mã TSCĐ có thể như sau:

Nhóm TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc: Mã 01	Nhóm TSCĐ là phương tiện vận tải: Mã 03
Nhóm TSCĐ là máy móc thiết bị : Mã 02	

*/ Tổ chức khai báo các thông tin về TSCĐ:

TSCĐ của doanh nghiệp được quản lý đơn chiếc do vậy khai thác thông tin chi tiết từng TSCĐ của doanh nghiệp cho phần mềm, làm cơ sở quản lý ghi chép và tính khấu hao TSCĐ. Thông thường các thông tin tối thiểu phải khai báo bao gồm: Mã, tên TSCĐ, nơi sử dụng, thời gian đưa vào sử dụng và thời gian dự kiến sử dụng.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Thiết kế hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán dùng để phản ánh các nghiệp vụ về TSCĐ: Đây là các nghiệp vụ khá đặc thù đòi hỏi phải thiết kế các loại chứng từ chuyên dùng để phản ánh các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ. Một số chứng từ:

- Chứng từ ghi tăng nguyên chiếc
- Ghi tăng do xây dựng thêm TSCĐ
- Ghi giảm nguyên chiếc
- Ghi giảm tháo dỡ TSCĐ

Đối với các nghiệp vụ tăng TSCĐ, đòi hỏi phải có thiết kế các bút toán bổ sung để thực hiện chuyển nguồn vốn sử hữu cho đầu tư TSCĐ

Đối với các nghiệp vụ giảm TSCĐ, cần lưu ý giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ. Đồng thời phải thiết kế bút toán bổ sung để ghi các khoản chi phí, thu nhập có liên quan.

*/ Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Nhìn chung các phần mềm kế toán đều cung cấp hệ thống kế toán khá đa dạng để theo dõi TSCĐ như: Sổ theo dõi TSCĐ theo từng đơn vị sử dụng, sổ theo dõi TSCĐ toàn doanh nghiệp. Các sổ kế toán tổng hợp như: Sổ cái TK 211, 213, 214, ngoài ra người sử dụng còn có thể vận dụng các chức năng khác như: Lọc, tìm kiếm dữ liệu để tạo ra các bảng kê, sổ kế toán theo yêu cầu.

Tóm lại, TSCĐ trong doanh nghiệp thường có giá trị lớn, việc quản lý cũng như sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải được kiểm soát chặt chẽ: Từ việc bắt đầu mua TSCĐ, sử dụng và kết thúc việc sử dụng. Kế toán TSCĐ cần hạch toán chính xác, kịp thời, xác định đúng từng loại TSCĐ trong doanh nghiệp cũng như việc phân bổ dần giá trị của nó vào chi phí sản xuất, đảm bảo việc thu hồi vốn kinh doanh đảm bảo hiệu quả trong sản xuất.

Do vậy việc ứng dụng tin học trong quản lý có tác dụng:

- Kế toán tính toán nhanh, chính xác tình hình tài liệu, số liệu phục vụ cho đơn vị sản xuất kinh doanh.
- Giảm đơn được những việc tính toán, lúc vẽ biểu mẫu thủ công do đó tiết kiệm được lao động

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

(8) Về áp dụng phương pháp tính khấu hao:

Hiện nay công ty đang có số lượng tương đối lớn chiếm 70% vốn của công ty.

TSCĐ của Công ty chia làm 3 nhóm:

- Nhà cửa , vật kiến trúc
- Phương tiện vận tải
- Máy móc thiết bị

Toàn bộ TSCĐ phục vụ cho việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được hình thành từ nguồn vốn tự có hoặc vốn vay đều được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Việc tính khấu hao theo phương pháp trên cho TSCĐ là phù hợp với đặc thù sản xuất của ngành Vận Tải. Bởi nhóm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải được đầu tư đều là những loại có giá trị lớn, hiện đại, thời gian làm việc tương đối dài và công suất làm việc trong những năm đầu là rất cao.

Công ty nên tiến hành khấu hao theo ngày, như sau:

- Công thức trích khấu hao (áp dụng công thức khấu hao theo đường thẳng) đối với tài sản tăng mới hoặc giảm tài sản

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Như vậy mức khấu hao tháng của tài sản hiện có sẽ được tính bằng công thức:

$$\text{Khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm}}{12 \text{ tháng}}$$

Mức khấu hao theo ngày được tính như sau:

Tính tròn tháng : 01 tháng = 30 ngày

$$\text{Khấu hao ngày} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình một tháng}}{30 \text{ ngày}}$$

Ví dụ:

Ngày 22/7/2009 Công ty tiến hành mua 01 xe ô tô đầu kéo + sori romoóc với giá : 300.000.000 đồng, chưa thanh toán. Sau khi mua công ty tiến hành đăng kiểm cho xe + đầu kéo: 7.780.000 và xuất dầu cho xe chạy thử: 8.500.000.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Nguyên giá của xe ô tô đầu kéo + sori romoóc:

$$= 300.000.000 + 7.780.000 + 8.500.000$$

$$= 316.280.000đ$$

Công ty trích khấu hao cho TSCĐ này là 07 năm, thời gian đưa vào sử dụng là ngày 28/7/2009.

Công ty tiến hành trích khấu hao như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao năm} \\ \text{= } \frac{316.280.000}{7 \text{ năm}} = 45.182.857đ \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Khấu hao tháng} \\ \text{= } \frac{45.182.857}{12 \text{ tháng}} = 3.765.238đ \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Khấu hao ngày} \\ \text{= } \frac{3.765.238}{30 \text{ ngày}} = 125.508 đ \end{array}$$

Mức khấu hao của xe ô tô đầu kéo + sori romoóc tính từ ngày 28/7/2009 là:

$$= 125.508 * 03 = 376.524 đ$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 627: 376.524

Có TK 214: 376.524

KẾT LUẬN

TSCĐ là biểu hiện của vốn cố định, là một bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, về phương diện hiệu quả kinh tế các doanh nghiệp phải tìm mọi cách sử dụng tối đa công suất máy móc thiết bị hiện có, kịp thời thay thế các máy móc thiết bị lạc hậu, bảo quản, bảo dưỡng tốt máy móc thiết bị, tính toán chính xác hoa mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng để đảm bảo việc thu hồi vốn đầu tư ban đầu nhanh chóng. Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong muốn tồn tại thì việc phấn đấu giảm bớt chi phí nâng cao chất lượng sản phẩm mà chủ yếu là sử dụng trang bị KHCN và trang thiết bị hiện đại vào sản xuất kinh doanh là chủ yếu không thể thiếu. Để làm được điều đó thì công tác hạch toán kế toán TSCĐ phải được xây dựng tốt và nâng cao hiệu quả công tác.

Khoá luận :”Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong” đã giải quyết được các vấn đề sau:

1. Về mặt lý luận: Khoá luận đã nêu được nét chính, nét cơ bản về TSCĐ, phân loại, đánh giá, sửa chữa, tính khấu hao TSCĐ và kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp
2. Về mặt thực tiễn: Khoá luận đã lấy tình hình số liệu tăng, giảm, trích khấu hao TSCĐ Tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong năm 2009 để chứng minh.
3. Về những biện pháp hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong: Khoá luận đã đi sâu đánh giá việc sử dụng , quản lý TSCĐ, từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện tập trung vào: Tổ chức bộ máy, tổ chức hệ thống sổ sách, ghi chép hạch toán, đánh giá, phân loại TSCĐ, cách tính khấu hao, áp dụng phần mềm kế toán,....

Những đề xuất của khoá luận hết sức thiết thực với tình hình công ty vaqqf thị trường hiện nay nếu thực hiện tốt đúng kiến nghị, tình hình quản lý TSCĐ ở Công ty sẽ cho nhiều kết quả tốt hơn trong quản lý cũng như trong hạch toán TSCĐ.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong

Với thời gian thực tập ngắn, kiến thức bản thân có hạn, vấn đề nghiên cứu rộng, tổng hợp. Song được sự giúp đỡ của lãnh đạo Công ty, các phòng ban, đặc biệt là các anh chị phòng kế toán công ty TNHH Vận Tải Tiền Phong, cộng với sự giúp đỡ tận tình của THS. Trần Thanh Thảo đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống kế toán Việt Nam. Quyển 01 – Hệ thống tài khoản kế toán. Nhà xuất bản Tài chính
2. Hệ thống kế toán Việt Nam. Quyển 02 – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách sơ đồ kế toán. Nhà xuất bản Tài chính
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính
4. Kế toán tài chính. Nhà xuất bản Tài chính năm 2009
5. Chế độ quản lý, sử dụng, trích khấu hao TSCĐ của Bộ tài chính
6. Các bài khoá luận tốt nghiệp ngành Kế toán – Kiểm toán. Thư viện trường Đại Học Dân lập Hải Phòng